



2024

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN**
**CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG**



MỤC LỤC



PHẦN 1: THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC RỦI RO

PHẦN 2: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

PHẦN 3: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

PHẦN 4: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

PHẦN 5: QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BAN KIỂM SOÁT

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

PHẦN 6: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý KIẾN KIỂM TOÁN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN



THÔNG TIN CHUNG

- THÔNG TIN KHÁI QUÁT
- NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH
- THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ
- ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN
- CÁC RỦI RO



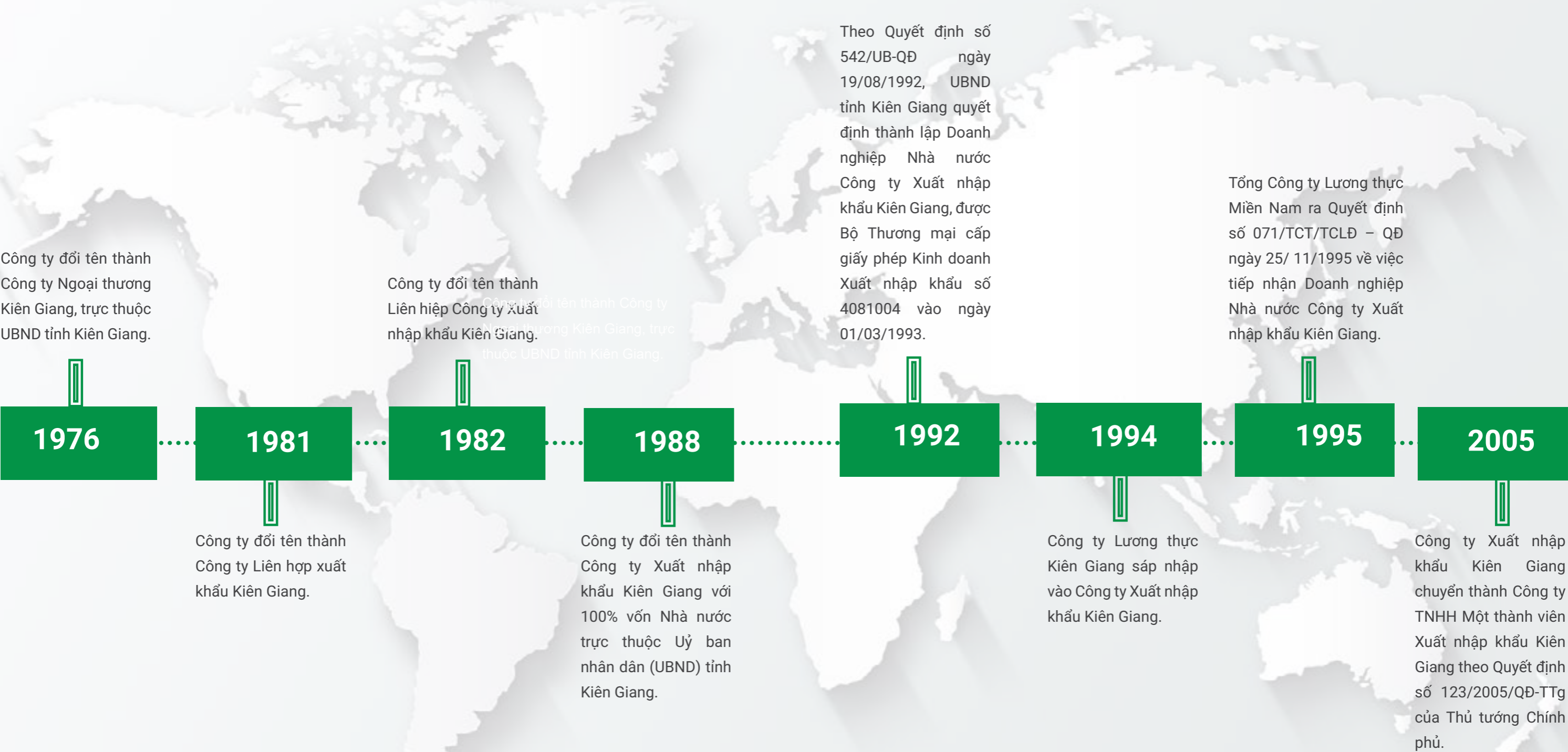
THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG
Tên tiếng Anh	KIEN GIANG IMPORT & EXPORT JOINT STOCK COMPANY
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	1700100989 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp lần đầu ngày 07/11/2005 và thay đổi lần thứ 21 ngày 28/03/2023
Vốn điều lệ	254.300.000.000 đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	254.300.000.000 đồng
Địa chỉ	Số 85-87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam
Số điện thoại	0297 3863 491
Số fax	0297 3862 309
Website	www.kigimex.com.vn
Mã cổ phiếu	KGM



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



“Tiền thân của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang (Kigimex) là Công ty Xuất nhập cảng Hải Nam thành lập năm 1975, trực thuộc Công ty Xuất nhập cảng Miền Tây, có trụ sở chính tại thành phố Cần Thơ.”

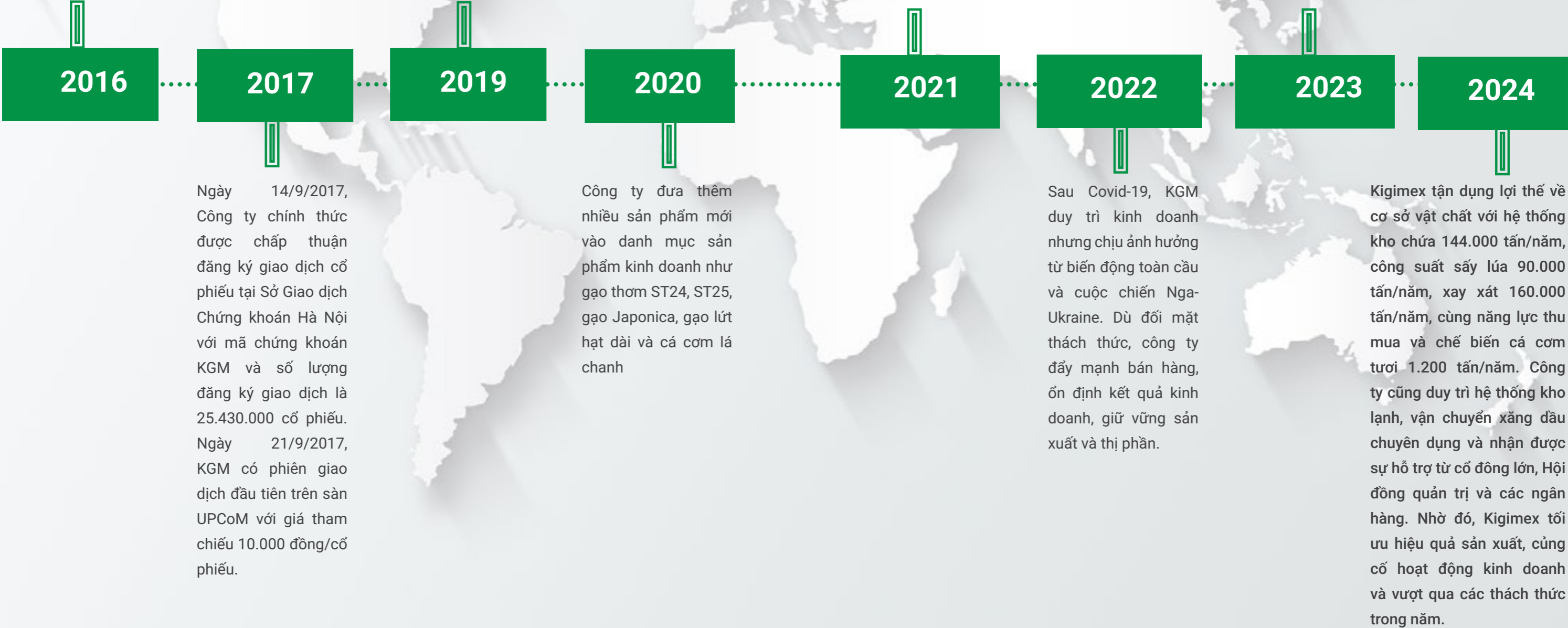
QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Công ty chính thức chuyển đổi và hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo giấy đăng ký kinh doanh số 1700100989 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp (thay đổi lần thứ 19) với tên gọi là Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.

Công ty giao dịch thành công với một số khách hàng mới (Wilmar, aT), đặc biệt là lần đầu tiên thắng thầu cung cấp cho thị trường Hàn Quốc loại gạo lứt hạt ngắn Japonica.

Do ảnh hưởng dịch bệnh, KGM tập trung phát triển kinh doanh, tuân thủ chỉ thị Chính phủ, áp dụng mô hình sản xuất “Ba tại chỗ” và “Một cung đường, hai điểm đến”, cùng chính sách làm việc “30% trực tiếp, 70% trực tuyến”, đảm bảo an toàn và duy trì hoạt động ổn định.

Dù kinh tế khó khăn năm 2023, Kigimex hoàn thành kế hoạch, với doanh thu tăng 171% và lợi nhuận tăng 220% so với 2022, khẳng định vị thế trên thị trường xuất khẩu gạo Việt Nam.



Các giải thưởng tiêu biểu

Kigimex luôn được Tổng Công ty Lương thực Miền Nam đánh giá cao vì sự:

- Ổn định tài chính
- Ổn định nội bộ
- Sản lượng tiêu thụ & Lợi nhuận cao

- Chủ tịch Nước phong tặng Huân chương Lao động hạng III.
- Thủ tướng Chính phủ tặng Giải bạc Chất lượng Quốc gia, Cờ thi đua.
- Bộ Tài Chính và Bộ Lao động – Thương Binh và Xã hội đánh giá là Doanh nghiệp Loại I.
- Bộ Y Tế tặng Bằng khen có thành tích xuất sắc trong công tác Chăm sóc sức khỏe người lao động.
- Bộ Công thương xếp hạng trong 10 Doanh nghiệp cả nước dẫn đầu về Xuất khẩu gạo và nhiều năm liên được bình chọn là Doanh nghiệp Xuất khẩu uy tín.
- Bộ Khoa học Công nghệ trao tặng giải thưởng Chất lượng Việt Nam.
- Liên hiệp các tổ chức Khoa học – Kỹ thuật Việt Nam bình chọn Top 100 Thương hiệu Việt.
- Đạt Cúp Vàng Doanh nghiệp Xuất khẩu uy tín ngành hàng lúa gạo Việt Nam tại các kỳ tổ chức Festival lúa gạo Việt Nam.
- Đạt giải thưởng Bông lúa Vàng Việt Nam – Thương hiệu Vàng Chất lượng.
- Hàng năm được Tổng Công ty Lương Thực Miền Nam, UBND tỉnh Kiên Giang trao tặng nhiều Bằng khen hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong các mặt công tác.
- Được đạt nhiều Danh hiệu, Giải thưởng, Cờ thi đua, Bằng khen, Giấy khen của các Tổ chức Chính trị Xã hội trao tặng trong các phong trào thi đua hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.



Cờ thi đua “Đã có thành tích xuất sắc, dẫn đầu phong trào thi đua năm 2019” do Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp trao tặng.
Bằng khen danh hiệu “Danh nghiệp tiêu biểu Đồng bằng Sông Cửu Long năm 2019” do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam trao tặng.
Bằng khen “Có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua chuyên đề Doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có hiệu quả góp phần phát triển kinh tế tỉnh Kiên Giang năm 2019” do Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang trao tặng.



Bằng khen “Có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua chuyên đề “Doanh nhân và Doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có hiệu quả, góp phần phát triển kinh tế tỉnh Kiên Giang năm 2020” do Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang trao tặng.
Bằng khen “Có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua chuyên đề xuất khẩu năm 2020” do Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang trao tặng.



Cờ thi đua “Khen thưởng thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua năm 2021” của UBND tỉnh Kiên Giang.
Cờ thi đua “Có thành tích xuất sắc, dẫn đầu phong trào thi đua năm 2021” của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp.
Bằng khen “Có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua chuyên đề xuất khẩu năm 2021” của UBND tỉnh Kiên Giang.
Bằng khen “Thành tích đột xuất, xuất sắc đóng góp thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19” của UBND tỉnh Kiên Giang.
Đạt danh hiệu “Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín” năm 2021 của Bộ công thương cấp.



Bằng khen “Có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua chuyên đề xuất khẩu năm 2022” của UBND tỉnh Kiên Giang.
Bằng khen “Chuyên đề doanh nghiệp Kiên Giang hội nhập và phát triển năm 2022” của UBND tỉnh Kiên Giang.
Cờ thi đua “Có thành tích xuất sắc, dẫn đầu phong trào thi đua năm 2022” của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp.
Bằng khen có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong giai đoạn 2018 – 2022, đóng góp vào sự phát triển của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp.
Đạt danh hiệu “Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín” năm 2022 của Bộ công thương cấp.



Bằng khen “Có thành tích xuất sắc trong đợt thi đua doanh nhân và doanh nghiệp tăng hiệu quả sản xuất, kinh doanh có hiệu quả, góp phần phát triển kinh tế tỉnh Kiên Giang năm 2023” của UBND tỉnh Kiên Giang.



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

Kigimex kinh doanh ba lĩnh vực chính: gạo, cá cơm và xăng dầu. Gạo là ngành cốt lõi, xuất khẩu chủ yếu sang châu Phi (đặc biệt Ghana), Philippines, Hàn Quốc, Indonesia, với các sản phẩm như KDM, Jasmine, Đài Thơm 8, Japonica. Cá cơm khô đóng hộp chủ yếu xuất sang Singapore (90%), phần còn lại tiêu thụ tại Trung Quốc và nội địa. Trong xăng dầu, Kigimex đóng vai trò nhà phân phối, nhập hàng từ các đầu mối và phân phối tại Kiên Giang cùng khu vực lân cận.

Địa bàn kinh doanh

Trụ sở chính Kigimex tại 85-87 Lạc Hồng, phường Vĩnh Lạc, TP. Rạch Giá, Kiên Giang. Công ty cung cấp gạo và cá cơm cho thị trường trong nước và quốc tế, xuất khẩu gạo sang châu Á, châu Phi, châu Âu, châu Mỹ, mở rộng sang Trung Đông năm 2022 và vào kênh phân phối các tập đoàn lớn tại châu Âu, Singapore. Cá cơm chủ yếu xuất khẩu sang Singapore, Trung Quốc, Malaysia, mang lại doanh thu đáng kể. Dưới đây là thông tin chi tiết các đơn vị trực thuộc Kigimex:

Đơn vị	Địa chỉ	Số điện thoại
Xí nghiệp Chế biến Lương thực Xuất khẩu Tân Phú	Ấp Tân Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.	0297 3834 435
Xí nghiệp Chế biến Lương thực Xuất khẩu An Hòa	44 Ngõ Thời Nhiệm, phường An Bình, Tp.Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.	0297 3910 163
Xí nghiệp Chế biến Lương thực Xuất khẩu Vĩnh Thắng	Tổ 4, ấp Vĩnh Tiến, xã Vĩnh Thắng, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.	0297 3663 838
Xí nghiệp Chế biến Lương thực Xuất khẩu Thạnh Hưng	Ấp Thạnh Trung, xã Thạnh Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.	0297 3822 113
Xí nghiệp Chế biến Lương thực Xuất khẩu Sơn Thuận	Ấp Vàm Răng, xã Sơn Kiên, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.	0297 3770 770
Xí nghiệp Kinh doanh Xăng dầu An Bình	44 Ngõ Thời Nhiệm, phường An Bình, Tp Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.	0297 6257 049
Xí nghiệp Chế biến Cá cơm Hòn Chông	Xã Bình An, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.	0297 3854 316

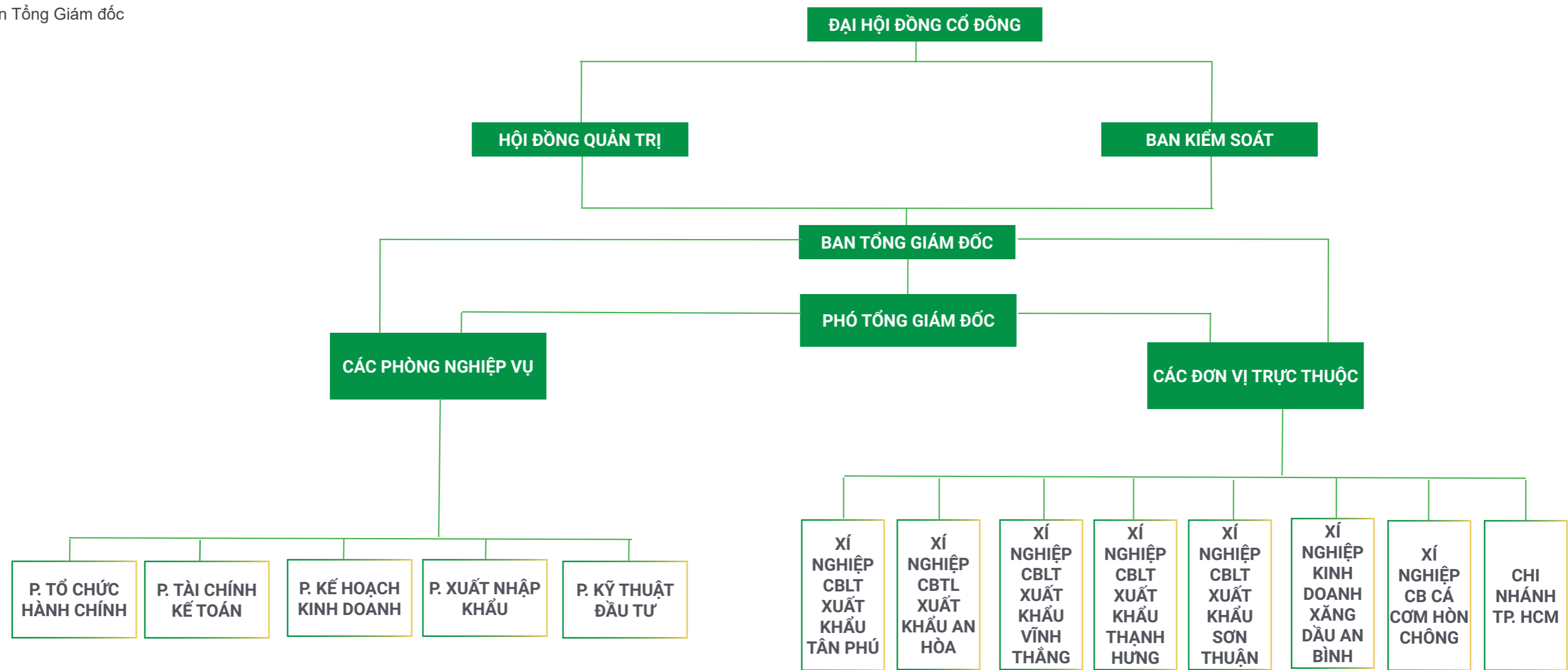


THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Cơ cấu bộ máy quản lý

Mô hình quản trị của Công ty được tổ chức và vận hành theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 137 của Luật Doanh nghiệp 2020. Cấu trúc quản trị bao gồm các cấp quản lý sau:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Ban Tổng Giám đốc



Công ty con, công ty liên kết: Công ty không có Công ty con, Công ty liên kết

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

TẦM NHÌN SỨ MỆNH

TẦM NHÌN

Kigimex hướng đến trở thành doanh nghiệp hàng đầu cả nước trong lĩnh vực xuất nhập khẩu và kinh doanh lương thực, xây dựng thương hiệu gạo Việt Nam vươn tầm thế giới, dựa trên các tiêu chí "Chất lượng - Uy tín - An toàn - Hiệu quả".

SỨ MỆNH

Kigimex cam kết cung cấp những sản phẩm ổn định và chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu khách hàng trong và ngoài nước, đồng thời góp phần nâng tầm giá trị nông sản Việt Nam trên thị trường quốc tế. Để thực hiện sứ mệnh này, công ty không ngừng đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất, đầu tư vào hệ thống trang thiết bị hiện đại nhằm tối ưu hóa quy trình sản xuất và đảm bảo chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn cao nhất.

MỤC TIÊU

- Mục tiêu cốt lõi: Tạo giá trị bền vững, lấy chất lượng sản phẩm làm trọng tâm.
- Định hướng: Không chỉ tập trung lợi nhuận, doanh thu mà còn nâng cao giá trị nông sản Việt, mở rộng thị phần trong và ngoài nước.
- Quản trị: Tăng cường năng lực quản trị, đảm bảo vận hành hiệu quả, minh bạch, linh hoạt.
- Nhân sự: Đầu tư đào tạo, phát triển đội ngũ lãnh đạo chuyên nghiệp, thích ứng cao.
- Tăng trưởng: Duy trì tăng trưởng ổn định, phát triển bền vững, đóng góp tích cực cho nền kinh tế.

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ CHƯƠNG TRÌNH CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN NGẮN HẠN VÀ TRUNG HẠN CỦA CÔNG TY

Ngoài việc phát triển sản xuất kinh doanh, Kigimex chú trọng bảo vệ môi trường và đóng góp cho cộng đồng. Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành luôn đề cao trách nhiệm xã hội, thực hiện các chính sách bền vững nhằm giải quyết các vấn đề môi trường, xã hội và hỗ trợ cộng đồng một cách thiết thực.

MỤC TIÊU

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ CHƯƠNG TRÌNH CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN NGẮN HẠN VÀ TRUNG HẠN CỦA CÔNG TY

Cam kết với môi trường

Kigimex ưu tiên phát triển bền vững cùng tăng trưởng kinh tế thông qua xây dựng hệ thống xử lý chất thải hiện đại, áp dụng công nghệ xanh, tối ưu quy trình sản xuất để giảm phát thải và bảo vệ tài nguyên. Công ty triển khai các giải pháp tiết kiệm năng lượng, giảm khí thải nhà kính, đồng thời nâng cao nhận thức nhân viên về lối sống xanh. Những sáng kiến này giúp giảm tác động tiêu cực đến môi trường, hướng đến một hệ sinh thái sản xuất bền vững.

Trách nhiệm xã hội và cộng đồng

Kigimex xem trách nhiệm xã hội là cốt lõi trong chiến lược phát triển, thực hiện nhiều hoạt động như hỗ trợ đời sống người dân, tham gia từ thiện, cứu trợ thiên tai và giúp đỡ người khó khăn. Công ty khuyến khích nhân viên tham gia các hoạt động xã hội, xây dựng các chương trình hỗ trợ về giáo dục, y tế và sinh kế. Đồng thời, Kigimex hợp tác với các tổ chức xã hội để triển khai các chương trình phát triển bền vững, tạo tác động tích cực và lâu dài cho cộng đồng.

CHIẾN LƯỢC

PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Kigimex cam kết thúc đẩy sự phát triển bền vững thông qua việc xây dựng thương hiệu mạnh, duy trì văn hóa doanh nghiệp vững chắc, và không ngừng mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty chủ động tìm kiếm các đối tác chiến lược có tiềm lực về vốn, công nghệ và quản trị nhằm tối ưu hóa hiệu quả kinh doanh, gia tăng lợi ích cho các bên liên quan.

Kigimex không chỉ chú trọng vào tăng cường năng lực quản trị, mà còn đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng các phương pháp quản lý tiên tiến, nhằm tối đa hóa lợi nhuận và nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường. Đồng thời, công ty cam kết hoạt động kinh doanh gắn liền với bảo vệ môi trường, thực hiện đánh giá tác động sản xuất để đảm bảo không gây ô nhiễm và duy trì sự phát triển bền vững trong cộng đồng.

Đa dạng hóa ngành nghề: Mở rộng danh mục sản phẩm, tối ưu nguồn thu, đầu tư thiết bị hiện đại, nâng cao chất lượng và niềm tin khách hàng.

Ứng dụng công nghệ: Đổi mới sáng tạo, linh hoạt điều chỉnh sản xuất để duy trì lợi thế cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh.

Phát triển nhân sự: Đào tạo chuyên sâu, nâng cao đạo đức nghề nghiệp, xây dựng đội ngũ tinh nhuệ đáp ứng nhu cầu thị trường.

Xây dựng văn hóa doanh nghiệp: Duy trì môi trường làm việc tích cực, minh bạch, nâng cao nhận thức về tiết kiệm, chống lãng phí và trách nhiệm xã hội.

CÁC RỦI RO

Rủi ro Kinh tế

Năm 2024, nền kinh tế thế giới và Việt Nam tiếp tục trải qua nhiều biến động, tạo ra không ít thách thức và rủi ro kinh tế đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Kigimex. Những yếu tố như lạm phát, biến động thị trường tài chính, chính sách thương mại quốc tế và sự suy giảm tổng cầu toàn cầu đã tác động trực tiếp đến ngành xuất khẩu gạo, lĩnh vực kinh doanh cốt lõi của công ty.

Năm 2024, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng 3,63% và lạm phát cơ bản tăng 2,71%, gây áp lực lên chi phí đầu vào của Kigimex, đặc biệt là nguyên liệu lúa gạo, điện năng và xăng dầu. Dù lạm phát tại các thị trường xuất khẩu chính như Ghana, Philippines và Indonesia đã hạ nhiệt, nhưng vẫn ở mức cao, ảnh hưởng đến sức mua và nhu cầu tiêu thụ gạo. Trong khi đó, dù GDP Việt Nam tăng 7,09%, một số đối tác thương mại lớn của Kigimex lại tăng trưởng chậm, khiến công ty đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt từ Ấn Độ, Thái Lan và Campuchia. Giá thu mua lúa gạo trong nước tăng từ 500 - 2.800 đồng/kg do thiên tai và nhu cầu an ninh lương thực, làm tăng chi phí chế biến và ảnh hưởng đến các dòng gạo cao cấp như Japonica, ST24, ST25. Bên cạnh đó, tỷ giá VND/USD chịu áp lực lớn từ việc đồng USD tăng giá, dù mức mất giá của VND được kiểm soát ở 3%, vẫn khiến chi phí nhập khẩu nguyên liệu và thiết bị tăng cao. Trước tình hình này, Kigimex theo dõi sát diễn biến tỷ giá để điều chỉnh chiến lược kinh doanh phù hợp, giảm thiểu tác động tiêu cực đến lợi nhuận.

Trước những biến động kinh tế, Kigimex triển khai các giải pháp linh hoạt để giảm thiểu rủi ro và duy trì lợi thế cạnh tranh. Công ty giám sát chặt chẽ diễn biến thị trường lúa gạo, điều chỉnh chiến lược kinh doanh kịp thời nhằm ứng phó với biến động giá cả và tỷ giá. Đồng thời, Kigimex tối ưu hóa chi

phí sản xuất, tinh gọn quy trình vận hành và tăng cường quản lý tài chính để đảm bảo hiệu quả bền vững. Bên cạnh đó, công ty ký kết hợp đồng dài hạn với các đối tác chiến lược nhằm ổn định nguồn cung nguyên liệu, giảm tác động từ biến động giá lúa gạo. Để mở rộng thị trường, Kigimex đẩy mạnh xuất khẩu, đa dạng hóa sản phẩm và tập trung vào các phân khúc gạo thơm, Japonica – những dòng sản phẩm giàu tiềm năng. Công ty cũng chú trọng nâng cao chất lượng sản phẩm, tối ưu chuỗi giá trị và củng cố quan hệ hợp tác với các đối tác toàn cầu, không chỉ giữ vững vị thế cạnh tranh mà còn tận dụng tối đa cơ hội tăng trưởng trong bối cảnh thị trường đầy biến động.



Rủi ro khí hậu

Năm 2024, Kigimex đối mặt với rủi ro khí hậu nghiêm trọng khi biến đổi khí hậu làm gia tăng các hiện tượng thời tiết cực đoan, ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn cung lúa gạo. Bão số 3 gây ngập úng hơn 156.000 ha lúa tại 26 tỉnh phía Bắc, trong khi hạn mặn và thiếu nước do El Nino kéo dài tại Đồng bằng sông Cửu Long làm giảm năng suất lúa, dù trung bình cả nước vẫn đạt 61 tạ/ha. Tại Kiên Giang, lũ lụt và khô hạn gián đoạn nguồn cung, đẩy giá thu mua lúa tăng 500-2.800 đồng/kg, làm chi phí nguyên liệu của Kigimex tăng cao. Báo cáo của Tổng cục Thống kê cho thấy thiệt hại từ bão số 3 lên tới 89.253,6 tỷ đồng, trong khi dự báo từ Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Quốc gia cho thấy 2-3 cơn bão hoặc áp thấp nhiệt đới có thể xuất hiện từ tháng 12/2024 đến tháng 5/2025, đe dọa vụ lúa đông xuân – thời điểm quan trọng cho thu mua của Kigimex. Rủi ro khí hậu không chỉ ảnh hưởng đến nguồn cung mà còn tác động đến khả năng duy trì giá bán cạnh tranh trên thị trường xuất khẩu, đặt Kigimex trước áp lực tài chính và chiến lược lớn.

Biến đổi khí hậu gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến nông nghiệp Việt Nam, đòi hỏi Kigimex phải chủ động ứng phó. Công ty bám sát dự báo khí hậu, phân tích sản lượng nông sản và xây dựng kế hoạch thu mua linh hoạt để đảm bảo nguồn cung ổn định. Đồng thời, Kigimex xem bảo vệ môi trường là giải pháp dài hạn, tuân thủ chặt chẽ các quy định, sử dụng tài nguyên hiệu quả, đầu tư vào hệ thống xử lý chất thải hiện đại và áp dụng công nghệ tiên tiến để quản lý tài nguyên bền vững, góp phần xây dựng môi trường tự nhiên trong lành.

Rủi ro pháp luật

Kigimex là một công ty đại chúng hoạt động trong lĩnh vực xuất khẩu lúa gạo, chịu sự quản lý chặt chẽ của nhiều quy định pháp luật Việt Nam như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Đầu tư, cũng như các văn bản pháp lý liên quan đến thương mại quốc tế như Luật Quản lý ngoại thương và Luật Thương mại. Đặc biệt, trong lĩnh vực xuất khẩu gạo – ngành kinh doanh chủ lực của công ty, việc tuân thủ các quy định này là yếu tố quan trọng giúp đảm bảo hoạt động ổn định và phát triển bền vững.

Hệ thống pháp luật Việt Nam liên tục được hoàn thiện, tạo ra nhiều thay đổi trong các quy định liên quan. Nếu không theo kịp, Kigimex có thể đối mặt với rủi ro pháp lý, ảnh hưởng đến uy tín, hoạt động kinh doanh và lợi nhuận. Đặc biệt, Luật số 56/2024/QH15 ban hành ngày 29/11/2024 đã điều chỉnh nhiều quy định đối với công ty đại chúng nhằm nâng cao minh bạch, quản trị doanh nghiệp và bảo vệ cổ đông. Bên cạnh đó, Chính phủ đang thúc đẩy nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam lên nhóm mới nổi vào năm 2025, khiến các quy định về công bố thông tin, quản trị công ty và quan hệ nhà đầu tư ngày càng chặt chẽ hơn. Điều này vừa đặt ra thách thức thích ứng cho Kigimex, vừa mở ra cơ hội nâng cao quản trị, khẳng định vị thế thị trường và tăng niềm tin với cổ đông, nhà đầu tư.

Nhằm hạn chế các rủi ro này, Kigimex cam kết thường xuyên cập nhật và tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp luật liên quan đến hoạt động của công ty, đảm bảo đáp ứng kịp thời các yêu cầu từ Chính phủ và cơ quan quản lý. Công ty luôn chú trọng vào việc đánh giá và điều chỉnh quy trình nội bộ để đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật, từ đó giảm thiểu rủi ro pháp lý và bảo vệ lợi ích lâu dài cho doanh nghiệp cũng như các cổ đông.

CÁC RỦI RO (tiếp theo)

Rủi ro tỷ giá

Hoạt động kinh doanh của Kigimex chủ yếu tập trung vào xuất khẩu lương thực sang các thị trường Đông Nam Á và Châu Phi, do đó tỷ giá hối đoái là yếu tố quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của công ty. Việc biến động tỷ giá có thể tác động đến giá trị doanh thu khi quy đổi về VND, đồng thời làm tăng chi phí nhập khẩu nguyên liệu và thiết bị phục vụ sản xuất, ảnh hưởng đến biên lợi nhuận của doanh nghiệp.

Năm 2024, Kigimex đối mặt với rủi ro tỷ giá khi đồng USD tăng mạnh, tỷ giá USD/VND tăng 4,31%, chốt ở mức 25.485 VND/USD trên thị trường liên ngân hàng và 25.850 VND/USD trên thị trường tự do. Dù mức mất giá của VND thấp hơn một số đồng tiền khu vực, biến động này vẫn ảnh hưởng lớn đến xuất khẩu gạo – lĩnh vực kinh doanh chủ lực của công ty. Đồng USD mạnh lên làm tăng chi phí nhập khẩu thiết bị, nguyên liệu, trong khi doanh thu xuất khẩu quy đổi không đủ bù đắp áp lực chi phí, khiến lợi nhuận sau thuế giảm. Chỉ số DXY duy trì quanh mức 107,7 điểm, tạo áp lực lên tỷ giá, trong khi VND tiếp tục chịu ảnh hưởng từ chính sách tiền tệ quốc tế, đặc biệt là điều chỉnh lãi suất của FED, đặt ra thách thức lớn cho sự ổn định tài chính của Kigimex.

Để giảm thiểu rủi ro tỷ giá, Kigimex luôn chủ động theo dõi sát diễn biến thị trường ngoại hối và phân tích tác động tiềm ẩn lên hoạt động kinh doanh. Việc cập nhật liên tục các biến động về tỷ giá giúp công ty đưa ra các điều chỉnh kịp thời, hạn chế ảnh hưởng tiêu cực đến doanh thu và lợi nhuận. Bên cạnh đó, Kigimex áp dụng kế hoạch tài chính linh hoạt, tối ưu hóa dòng tiền nhằm duy trì khả năng thanh toán ổn định, đồng thời hạn chế những tác động bất lợi từ sự mất giá của đồng nội tệ. Công ty cũng chủ động ký kết các hợp đồng dài hạn với đối tác, giúp ổn định chi phí và doanh thu, giảm thiểu rủi ro từ biến động tỷ giá trong ngắn hạn.



Rủi ro giá nguyên liệu

Năm 2024, Kigimex đối mặt với rủi ro giá nguyên liệu khi chi phí thu mua lúa gạo – chiếm hơn 90% giá vốn hàng bán – tăng mạnh, ảnh hưởng trực tiếp đến biên lợi nhuận. Giá lúa gạo chất lượng cao tại Đồng bằng sông Cửu Long tăng 500-2.800 đồng/kg so với 2023 do tác động của thiên tai, đặc biệt bão Yagi (thiệt hại 89.253,6 tỷ đồng) và nhu cầu an ninh lương thực toàn cầu gia tăng. Nguồn cung trong nước bị gián đoạn bởi hạn mặn, lũ lụt, trong khi cạnh tranh quốc tế khốc liệt hơn khi Thái Lan, Ấn Độ điều chỉnh giá bán. Bên cạnh đó, chi phí logistics tăng cao do giá cước container và tàu biển leo thang, kết hợp với bất ổn kinh tế vĩ mô, tiếp tục đẩy giá thành sản xuất của Kigimex lên đáng kể.

Để ứng phó với rủi ro giá nguyên liệu trong năm 2024, Kigimex đã chủ động theo dõi sát sao thị trường lúa gạo trong nước và quốc tế, tối ưu hóa chi phí bằng cách tinh giảm hoạt động sản xuất và quản lý tài chính chặt chẽ. Công ty ký kết các hợp đồng dài hạn với nhà cung cấp để ổn định giá thu mua, đảm bảo nguồn nguyên liệu ở mức chi phí hợp lý. Đồng thời, Kigimex tận dụng công suất cơ sở vật chất để tăng tỷ lệ chế biến từ lúa thô, giảm phụ thuộc vào biến động giá gạo thành phẩm. Những giải pháp này giúp công ty duy trì hiệu quả kinh doanh của mình.

Rủi ro khác

Bên cạnh các rủi ro đã đề cập trên, hoạt động kinh doanh của Kigimex cũng đối mặt với các rủi ro khách quan khác mà Công ty khó có thể kiểm soát như thiên tai, dịch bệnh, cháy nổ,... Các rủi ro này mặc dù hiếm gặp nhưng một khi xảy ra sẽ gây ra những thiệt hại đáng kể cho tài sản và hoạt động kinh doanh của Công ty. Do đó, Công ty luôn định kỳ thực hiện công tác kiểm tra, bảo trì và đảm bảo tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về phòng cháy và chữa cháy, cập nhật thông tin về thời tiết cũng như thực hiện mua đầy đủ bảo hiểm cần thiết trong năm.

CÁC RỦI RO (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Năm 2024, Kigimex đối mặt với rủi ro lãi suất do nhu cầu vốn lưu động lớn, buộc công ty phải sử dụng đòn bẩy tài chính từ các khoản vay ngân hàng. Lãi suất tại Việt Nam duy trì ở mức cao, với lãi suất huy động 5,5-6%/năm và lãi suất cho vay trung bình 8-10%, chịu tác động từ lạm phát 3,63% và chính sách tiền tệ thắt chặt của các nước lớn. Chi phí lãi vay tăng cao, trong khi giá vốn hàng bán chiếm hơn 90% doanh thu, gây áp lực lớn lên lợi nhuận. Biến động lãi suất không chỉ ảnh hưởng đến khả năng thanh toán nợ mà còn hạn chế nguồn vốn đầu tư vào cơ sở vật chất, ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của Kigimex.

Để giảm thiểu rủi ro lãi suất trong năm 2024, Kigimex đã triển khai các giải pháp quản lý tài chính hiệu quả. Công ty theo dõi sát diễn biến lãi suất thị trường, ưu tiên đàm phán với các ngân hàng như Vietcombank, BIDV để duy trì mức lãi suất vay cạnh tranh và giảm phụ thuộc vào các khoản vay ngắn hạn có lãi suất cao. Kigimex cũng cắt giảm chi phí thuê tài chính, điều chỉnh cơ cấu nợ, đồng thời tối ưu hóa dòng tiền. Những biện pháp này giúp công ty giảm bớt gánh nặng lãi vay, bảo toàn vốn và duy trì hoạt động ổn định trong bối cảnh lãi suất biến động.

Rủi ro cạnh tranh

Kigimex phải đối mặt với rủi ro cạnh tranh gay gắt trong lĩnh vực xuất khẩu gạo – ngành kinh doanh chủ lực của công ty. Sự gia tăng áp lực không chỉ đến từ các doanh nghiệp trong nước mà còn từ các đối thủ quốc tế lớn như Thái Lan, Ấn Độ và Campuchia, những quốc gia có lợi thế về sản lượng, giá cả và thương hiệu trên thị trường toàn cầu. Các đối thủ quốc tế liên tục cải tiến chất lượng và giảm giá bán, trong khi Kigimex phải duy trì chi phí cao để đảm bảo tiêu chuẩn gạo thơm, khiến vị thế cạnh tranh của công ty bị đe dọa trong bối cảnh nhu cầu thị trường biến động và chi phí logistics tăng cao.

Để ứng phó với rủi ro cạnh tranh trong năm 2024, Kigimex tập trung nâng cao chất lượng sản phẩm và tối ưu hóa quy trình kinh doanh. Công ty nghiên cứu nhu cầu khách hàng, cải tiến các dòng gạo đặc sản như ST25, Japonica để đáp ứng thị hiếu thị trường, đồng thời tinh giản chi phí sản xuất nhằm cung cấp sản phẩm chất lượng với giá cạnh tranh. Kigimex cũng đẩy mạnh xây dựng thương hiệu uy tín thông qua việc mở rộng quan hệ với các đối tác lớn như Wilmar, aT, và thâm nhập thị trường mới như Indonesia. Những nỗ lực này giúp công ty duy trì thị phần và củng cố lòng tin từ khách hàng quốc tế, giảm thiểu tác động từ áp lực cạnh tranh.





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
- TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ
- TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN
- TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
- CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU
- BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% Năm 2024/ Năm 2023
1	Tổng giá trị tài sản	1.057.190	1.036.331	98,02%
2	Doanh thu thuần	7.267.852	7.402.980	101,86%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	40.764	15.070	36,97%
4	Lợi nhuận trước thuế	21.025	15.258	72,57%
5	Lợi nhuận sau thuế	12.504	5.233	41,86%

Năm 2024, tổng tài sản của Kigimex đạt 1.036.331 triệu đồng, giảm 2,98% so với năm 2023. Doanh thu thuần tăng 1,86% lên 7.402.980 triệu đồng, nhưng lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh giảm 63,03%, chỉ đạt 15.070 triệu đồng. Lợi nhuận trước thuế và sau thuế lần lượt giảm 27,43% và 58,14%. Dù sản lượng mua vào, bán ra vượt 65% kế hoạch, tỷ suất lợi nhuận chưa đạt kỳ vọng do giá gạo biến động mạnh, cạnh tranh gay gắt và chi phí chế biến tăng cao. Đồng USD suy

yếu trong quý III/2024 làm giảm lợi thế tỷ giá, trong khi giá cước vận chuyển leo thang và áp lực định phí ảnh hưởng đến lợi nhuận. Để ứng phó, Kigimex đẩy mạnh bán hàng, tăng sản lượng bán ra hơn 50% kế hoạch, giúp bù đắp chi phí cố định. Dù thị trường cá cơm chưa phục hồi và xăng dầu chịu tác động chính sách, công ty tối ưu quản trị hàng tồn kho, điều chỉnh phương thức bán hàng, duy trì ổn định hoạt động kinh doanh.

"Vượt thử thách, vươn tầm thế giới – KGM vững vàng cùng lúa gạo Việt."

Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch Năm 2024	Thực hiện Năm 2024	TH/KH 2024
I	Mua vào				
1	Lúa, gạo quy gạo	Tấn	265.000	442.784	167,09%
2	Cá cơm tươi	Tấn	900	1.048	116,44%
3	Xăng dầu	Triệu lít	18,00	19,27	107,09%
II	Bán ra				
1	Lúa, gạo quy gạo	Tấn	265.000	425.570	160,59%
-	Xuất khẩu	Tấn	230.000	334.403	145,39%
-	Nội địa	Tấn	35.000	91.167	260,48%
2	Cá cơm (thành phẩm)	Tấn	225	241	107,10%
3	Xăng dầu	Triệu lít	18,00	18,88	104,88%
III	Kim ngạch				
1	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	143	226	157,85%
2	Kim ngạch nhập khẩu	Triệu USD		4,90	
IV	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	4.303	7.403	172,04%
V	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	15,00	15,258	101,72%
VI	Nộp NSNN	Tỷ đồng		9,1	

Lúa, gạo là ngành hàng kinh doanh cốt lõi mà Kigimex tập trung phát triển trong nhiều năm qua. Trước bối cảnh các quốc gia tăng cường củng cố an ninh lương thực trước những bất ổn kinh tế, địa chính trị và biến đổi khí hậu trên toàn cầu, Kigimex đã tập trung đẩy mạnh hơn nữa vào việc kinh doanh và phát triển loại nông sản này để tận dụng tốt các cơ hội. Nhờ đó, sản lượng lúa, gạo mua vào và bán ra của Kigimex trong

năm 2024 đã chạm mốc 442.784 và 425.570 tấn, vượt 67,09% và 60,59% so với mục tiêu đề ra. Ngành hàng cá cơm và xăng dầu tuy có tỷ trọng đóng góp doanh thu khiêm tốn nhưng cũng đã thành công vượt chỉ tiêu sản lượng. Ngoài ra, giá trị tổng kim ngạch xuất khẩu của Công ty cũng đã đạt con số ấn tượng và vượt đến 57,85% so với kỳ vọng, ước đạt 226 triệu USD trong năm 2024.

TỔ CHỨC NHÂN SỰ

Danh sách Ban Điều hành

STT	Thành viên	Chức vụ	Cá nhân sở hữu		Đại diện sở hữu	
			Cá nhân sở hữu	Đại diện sở hữu	Cá nhân sở hữu	Đại diện sở hữu
1	Bà Dương Thị Thanh Nguyệt	Phó Chủ tịch HĐQT thường trực kiêm TGD	101.500	0,40%	5.927.472	23,31%
2	Ông Phạm Minh Trung	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	0	0%	2.542.888	10,00%
3	Ông Nguyễn Mai Thái Sơn	Phó TGD	2.800	0,01%	0	0%
4	Bà Trần Thị Điệp	Kế toán trưởng	4.500	0,02%	0	0%

BÀ DƯƠNG THỊ THANH NGUYỆT

Phó Chủ tịch HĐQT thường trực kiêm TGD

- Ngày sinh : 27/02/1975
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán
- Quá trình công tác:
 - + 07/1999 - 04/2001: Nhân viên Công ty Chế biến Thực phẩm xuất khẩu Kiên Giang
 - + 05/2001 - 05/2005: Nhân viên phòng Tài chính Kế toán, Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
 - + 06/2005 - 03/2009: Nhân viên phòng Tài chính Kế toán, Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
 - + 07/2009 - 05/2010: Phó phòng phòng Tài chính Kế toán, Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
 - + 06/2010 - 03/2015: Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
 - + 07/2015 - 06/2016: Trưởng phòng phòng Tài chính Kế toán, Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
 - + 07/2016 - 09/2016: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
 - + 10/2016 - 08/05/2018: Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
 - + 09/05/2018 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc, người công bố thông tin Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Phó chủ tịch Hội đồng quản trị thường trực kiêm Tổng Giám đốc, người công bố thông tin Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 6.028.972 cổ phần, chiếm 23,71% vốn điều lệ, trong đó gồm:
 - + Cá nhân sở hữu: 101.500 cổ phần, chiếm 0,40% vốn điều lệ.
 - + Đại diện sở hữu: 5.927.472 cổ phần, chiếm 23,31% vốn điều lệ (đại diện cho Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần).
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có.

TỔ CHỨC NHÂN SỰ

ÔNG PHẠM MINH TRUNG

Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD

- Ngày sinh : 19/02/1981
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:
 - + 11/1999 - 12/2006: Nhân viên Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
 - + 01/2007 - 11/2008: Quyền Giám đốc Xí nghiệp CBLT XK Kiên Long, thuộc Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
 - + 12/2008 - 03/2009: Phó phòng phòng Kế hoạch Kinh doanh – Kỹ thuật Đầu tư, Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
 - + 04/2009 - 12/2015: Giám đốc Xí nghiệp CBLT XK Vĩnh Thắng, thuộc Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
 - + 01/2016 - 06/2016: Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang kiêm Giám đốc Xí nghiệp CBLT XK Vĩnh Thắng .
 - + 07/2016 – 04/2019: Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
 - + 05/2019 - 04/2021: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
 - + 05/2021 đến nay: Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 5.242.888 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ, trong đó gồm:
 - + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
 - + Đại diện sở hữu: 5.242.888 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ.
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:

STT	Tên người có liên quan	Quan hệ với người nội bộ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ CP sở hữu
1	Quách Thúy Hằng	Vợ	5.900	0,023%
2	Phạm Minh Tùng	Anh ruột	11.500	0,045%

TỔ CHỨC NHÂN SỰ

ÔNG NGUYỄN MAI THÁI SƠN

Phó TGD kiêm Giám đốc Xí nghiệp CBLT XK Vĩnh Thắng

- Ngày sinh : 20/4/1988
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:
 - + 06/2011 - 06/2016: Nhân viên Kiểm phẩm, Xí nghiệp chế biến lương thực xuất khẩu An Hòa, thuộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
 - + 07/2016 - 10/2019: Tổ phó Kiểm phẩm - Thu mua - Kho hàng, Xí nghiệp chế biến lương thực xuất khẩu An Hoà, thuộc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
 - + 11/2019 - 12/2019: Phó giám đốc Xí nghiệp chế biến lương thực xuất khẩu An Hòa, thuộc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
 - + 01/2020 - 12/2021: Phó trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
 - + 01/2022 - 04/2024: Giám đốc Xí nghiệp chế biến lương thực xuất khẩu Thạnh Hưng, thuộc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
 - + 04/2024 - Đến nay: Giám đốc Xí nghiệp chế biến lương thực xuất khẩu Vĩnh Thắng, thuộc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
 - + 7/2024 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Giám đốc Xí nghiệp CBLT XK Vĩnh Thắng.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 2.800 Cổ phiếu, chiếm 0,01% vốn điều lệ, trong đó:
 - + Cá nhân sở hữu: 2.800 Cổ phiếu, chiếm 0,01% vốn điều lệ.
 - + Đại diện sở hữu: 0 Cổ phần.
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có.



TỔ CHỨC NHÂN SỰ

BÀ TRẦN THỊ ĐIỆNP

Kế toán trưởng

- Ngày sinh : 28/02/1975
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán
- Quá trình công tác:
 - + 08/1999 - 01/2001: Công tác tại Đội tham mưu tổng hợp Công an thị xã Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.
 - + 01/2001 – 09/2003: Nhân viên kế toán Nhà máy Chế biến Lương thực Xuất khẩu 1A trực thuộc Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
 - + 10/2003 – 01/2008: Nhân viên kế toán Xí nghiệp Chế biến Lương thực Xuất khẩu An Hòa trực thuộc Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
 - + 02/2008 – 04/2009: Nhân viên kế toán Phòng Tài chính kế toán Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
 - + 05/2009 – 04/2011: Tổ trưởng Tổ kế toán Xí nghiệp Chế biến Lương thực Xuất khẩu Tân Phú trực thuộc Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
 - + 05/2011 – 12/2015: Phó trưởng Phòng Tài chính kế toán Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
 - + 01/2016 – 09/2016: Phó trưởng Phòng Kế hoạch kinh doanh Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
 - + 10/2016 - 22/10/2019: Phó trưởng Phòng Tài chính kế toán Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
 - + 23/10/2019 - 01/2022: Phụ trách kế toán Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
 - + 02/2022 đến nay: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Kế toán trưởng.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 4.500 cổ phần, chiếm 0,02% cổ phần, chiếm 0,02% vốn điều lệ.
 - + Cá nhân sở hữu: 4.500 cổ phần, chiếm 0,02% vốn điều lệ.
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có.

Những thay đổi trong ban điều hành trong năm 2024

STT	Tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Nguyễn Mai Thái Sơn	Phó TGD kiêm Giám đốc Xí nghiệp CBLT XK Vĩnh Thắng	05/07/2024	

TỔ CHỨC NHÂN SỰ

Số lượng cán bộ, nhân viên 31/12/2024

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
A	Theo trình độ	268	100%
1	Trên đại học	3	1,12%
2	Đại học	88	32,84%
3	Cao đẳng	19	7,09%
4	Trung cấp	49	18,28%
5	Công nhân kỹ thuật	45	16,79%
6	Lao động phổ thông	64	23,88%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	268	100,00%
1	Hợp đồng không xác định thời hạn	230	85,82%
2	Hợp đồng xác định thời hạn từ 1-3 năm	38	14,18%
C	Theo giới tính	268	100,00%
1	Nam	199	76,38%
2	Nữ	69	23,62%

Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Tổng số lượng người lao động (người)	284	264	254	268
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	7.923.000	7.680.000	11.190.000	11.630.000

Tại Kigimex, tinh thần trách nhiệm, gắn kết và cam kết lâu dài là giá trị cốt lõi trong tuyển dụng và đánh giá nhân sự. Công ty xây dựng hệ thống quản lý nhân sự hiệu quả, tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, minh bạch và nhân văn. Kigimex luôn đồng hành cùng nhân viên, duy trì đội ngũ ổn định, không cắt giảm lương ngay cả trong giai đoạn khó khăn. Hàng năm, công ty chủ động thu hút nhân tài, mở rộng lực lượng lao động để hướng đến phát triển bền vững. Kigimex tin rằng đội ngũ tận tâm, tài năng là nền tảng cho sự thành công và phát triển lâu dài.

Về đào tạo

Trước yêu cầu ngày càng cao về chất lượng nhân lực, Kigimex triển khai các chương trình đào tạo hàng năm phù hợp với từng vị trí và năng lực nhân viên. Các khóa học giúp nâng cao chuyên môn, kỹ năng, đồng thời giúp nhân viên hiểu rõ văn hóa và quy trình làm việc của công ty. Ngoài ra, Kigimex tổ chức hội thảo nội bộ nhằm chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm giữa các đơn vị, mang lại hiệu quả thực tiễn và tối ưu chi phí.

Về tuyển dụng

Kigimex coi chất lượng nhân sự là trọng tâm phát triển, áp dụng quy trình tuyển dụng minh bạch, hiệu quả theo các tiêu chuẩn mới nhất. Tiêu chí tuyển dụng được thiết kế riêng và cập nhật liên tục cho từng vị trí, đặc biệt là cấp quản lý. Ngoài chuyên môn và kỹ năng, công ty ưu tiên ứng viên có thái độ tích cực và cam kết lâu dài. Với vai trò then chốt của nhân sự trong phát triển kinh doanh, Kigimex tập trung tuyển dụng những cá nhân xuất sắc, đáp ứng yêu cầu công ty, đồng thời đảm bảo quy trình tuyển dụng công khai và công bằng.

Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Kigimex xây dựng các chính sách lương, thưởng và chế độ đãi ngộ hấp dẫn để thu hút và giữ chân nhân tài, đặc biệt là những nhân viên giàu kinh nghiệm. Công ty đảm bảo chi trả lương đầy đủ, đúng hạn và



ghi nhận xứng đáng những nhân viên có đóng góp xuất sắc. Chính sách khen thưởng được áp dụng công bằng, dựa trên kết quả công việc, không chỉ tạo động lực làm việc mà còn giúp nhân viên gắn bó lâu dài với công ty.

Về môi trường làm việc

Kigimex coi môi trường làm việc là yếu tố quan trọng đối với tâm lý và hiệu suất nhân viên. Công ty đề cao văn hóa bình đẳng, tạo không gian làm việc thoải mái, khuyến khích sự tự do để nâng cao năng suất. Bên cạnh đó, Kigimex quan tâm đến sức khỏe và tinh thần nhân viên bằng việc thực hiện đầy đủ chế độ bảo hiểm, tổ chức kiểm tra sức khỏe định kỳ và hỗ trợ tài chính khi cần. Công ty cũng thường xuyên tổ chức hoạt động văn nghệ, giao lưu, du lịch nhằm giúp nhân viên giải trí, giảm áp lực và nâng cao sự hài lòng trong công việc.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Các khoản đầu tư lớn

Năm 2024, Kigimex đã triển khai kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản theo Nghị quyết số 41/NQ-XNK-ĐHĐCĐ ngày 15/04/2024 của Đại hội đồng cổ đông, với tổng vốn đầu tư dự kiến 8,31 tỷ đồng (chưa bao gồm thuế và phí). Trong đó, 2,6 tỷ đồng được chuyển tiếp từ năm 2023, còn 5,7 tỷ đồng dành cho các hạng mục mới, sử dụng nguồn vốn tự có và vốn vay. Kết quả, công ty hoàn thành 13/16 hạng mục, đạt tổng giá trị thực hiện 7,25 tỷ đồng, tương đương 87,3% kế hoạch, do hai hạng mục là băng tải tại Xí nghiệp Thanh Hưng và trụ bơm tại Xí nghiệp An Bình không được thực hiện. Bên cạnh đó, kế hoạch sửa chữa lớn cũng được thông qua theo Nghị quyết số 88/NQ-XNK-HĐQT ngày 20/08/2024, với giá trị 6,35 tỷ đồng từ vốn chủ sở hữu và quỹ đầu tư phát triển. Công ty đã thực hiện 20/21 hạng mục, đạt giá trị 6,15 tỷ đồng, tương đương 96,8% kế hoạch phê duyệt.

Các công ty con, công ty liên kết: Không có



Về quản lý và khai thác tài sản, Kigimex duy trì hiệu quả việc sử dụng kho chứa và thiết bị tại các xí nghiệp trực thuộc, đảm bảo đáp ứng tốt nhu cầu sản xuất của từng đơn vị. Đối với xử lý và thanh lý tài sản, trong năm 2024, công ty chưa thực hiện thanh lý tài sản nào, nhưng hiện đang tiến hành kiểm kê và rà soát toàn bộ tài sản không cần dùng, dự kiến hoàn tất việc thanh lý vào quý I/2025.

Về quản lý đất đai, Kigimex quản lý tổng cộng 311.585 m² đất (25 thửa tại 14 cơ sở), bao gồm 868 m² đất thuê trả tiền một lần (50 năm), 299.032 m² đất thuê trả tiền hàng năm (20 thửa) đã được cấp đổi giấy chứng nhận sang tên công ty, và 11.683 m² đất nhận chuyển nhượng đang trong quá trình chuyển đổi tên chủ sở hữu. Toàn bộ diện tích đất đang được sử dụng đúng mục đích và không xảy ra tình trạng lấn chiếm.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	2024/2023
1	Tổng giá trị tài sản	1.057.190	1.036.331	98,01%
2	Doanh thu thuần	7.267.852	7.402.980	101,86%
3	Giá vốn hàng bán	6.585.984	6.773.860	102,85%
4	Chi phí tài chính	107.872	97.339	90,24%
5	Chi phí bán hàng	528.094	501.457	94,96%
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	65.463	66.375	101,39%
7	Doanh thu hoạt động tài chính	60.325	51.122	84,75%
8	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	40.764	15.070	36,97%
9	Lợi nhuận khác	(19.739)	187	-
10	Lợi nhuận trước thuế	21.025	15.258	72,57%
11	Lợi nhuận sau thuế	12.504	5.233	41,86%

Năm 2024, Kigimex ghi nhận doanh thu thuần tăng 1,86%, đạt 7.402,98 tỷ đồng, tăng 135 tỷ đồng so với năm trước, khẳng định khả năng duy trì đà phát triển trong bối cảnh thị trường biến động. Dù giá vốn hàng bán tăng gần 188 tỷ đồng do cạnh tranh thu mua lúa gạo, công ty đã linh hoạt thích nghi để đảm bảo chất lượng nguồn hàng. Tại thị trường xuất khẩu chính như Indonesia, lượng nhập khẩu vượt dự báo tạo cơ hội để Kigimex đẩy mạnh sản lượng bán ra, dù chịu áp lực cạnh tranh từ các quốc gia xuất khẩu

lớn. Trong vụ Đông Xuân 2023-2024, giá gạo 5% tấm tăng mạnh trước gói thầu Indonesia tháng 3-4 và dù giảm sau công bố thầu, Kigimex vẫn đầu tư chế biến để giữ vững chất lượng sản phẩm. Ngành cá cơm từng bước phục hồi, trong khi xăng dầu được điều chỉnh phương thức bán hàng và quản lý tồn kho hiệu quả để thích ứng với cơ chế giá. Sự phối hợp chặt chẽ với các đối tác thuê ngoài giúp Kigimex giảm thiểu tác động từ biến động thị trường, tạo nền tảng vững chắc cho kinh doanh bền vững.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Các chỉ số tài chính

Đơn vị tính: Triệu đồng			
Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,11	1,11
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,48	0,43
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	74,36	74,42
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	290,03	290,92
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	19,18	13,32
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	7,04	7,07
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,17	0,07
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	4,67	1,95
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	1,21	0,5
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	%	0,56	0,2

Chỉ tiêu khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán ngắn hạn duy trì ổn định ở mức 1,11, phản ánh khả năng đáp ứng nghĩa vụ ngắn hạn của công ty. Hệ số thanh toán nhanh giảm nhẹ từ 0,48 xuống 0,43, trong khi tài sản ngắn hạn sụt giảm mạnh ở khoản tiền và tương đương tiền, giảm 85,22% (127 tỷ đồng) do các đơn hàng được giao sát cuối năm nhưng hồ sơ thanh toán chưa hoàn tất. Ngược lại, khoản phải thu khách hàng tăng 55% (258 tỷ đồng), chủ yếu từ Sikakroa Co.Ltd (144 tỷ đồng), Three Hills Ghana Limited (22 tỷ đồng) và CTCP Chế biến Xuất nhập khẩu Ngọc Thiên Hương (36 tỷ đồng). Nợ ngắn hạn tăng do vay và nợ thuê tài chính tăng 1,8 lần (310 tỷ đồng) nhằm tài trợ vốn lưu động thông qua các hợp đồng tín dụng với ngân hàng, phù hợp với đặc thù hoạt động của Kigimex.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Cơ cấu nguồn vốn của Kigimex cuối năm 2024 không có thay đổi đáng kể so với 2023. Hệ số Nợ/Tổng Tài sản tăng nhẹ từ 74,36% lên 74,42%, trong khi tỷ lệ Nợ/Vốn chủ sở hữu đạt 290,92%. Khoản phải trả người bán giảm 94,41% (324,63 tỷ đồng), còn 29,22 tỷ đồng do công ty đã thanh toán 95 tỷ đồng cho Siam Golden Rice Company Limited, 148 tỷ đồng cho CTCP Chế biến XNK Ngọc Thiên Hương và 77 tỷ đồng cho CTCP Chế biến Xuất khẩu gạo Ngọc Hân Lê. Để đáp ứng nhu cầu vốn, Kigimex tăng vay ngắn hạn lên 690,22 tỷ đồng (81,43%), chủ yếu từ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN – CN Kiên Giang (40 tỷ), Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu VN – CN Sài Gòn (32 tỷ), Ngân hàng TMCP Hàng hải VN – CN TP.HCM (80 tỷ) và Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Cần Thơ (129 tỷ). Sự gia tăng này cân bằng với mức giảm khoản phải trả ngắn hạn, giữ tổng nợ ổn định. Vốn chủ sở hữu duy trì ở mức 265,10 tỷ đồng, cho thấy chính sách sử dụng đòn bẩy tài chính hiệu quả, hợp lý, giúp Kigimex cân bằng giữa cơ hội kinh doanh và chi phí lãi vay.

Chỉ tiêu năng lực hoạt động

Năm 2024, hiệu suất hoạt động của Kigimex có sự thay đổi đáng kể. Vòng quay hàng tồn kho giảm từ 19,18 vòng xuống 13,32 vòng, phản ánh tốc độ luân chuyển hàng hóa chậm lại do công ty gia tăng tồn kho để đảm bảo nguồn cung ổn định trong bối cảnh giá cả biến động. Tuy nhiên, vòng quay tổng tài sản tăng nhẹ lên 7,07 vòng so với 7,04 vòng năm 2023, cho thấy Kigimex đã tối ưu hóa tài sản để duy trì tăng trưởng doanh thu. Dù đối mặt với nhiều thách thức, công ty tiếp tục cải thiện quản lý hàng tồn kho, tối ưu dòng tiền và nâng cao hiệu suất sử dụng tài sản, nhằm củng cố khả năng cạnh tranh trong dài hạn.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Năm 2024, lợi nhuận sau thuế của Kigimex giảm mạnh, kéo theo sự sụt giảm của các chỉ tiêu sinh lời. Cụ thể, ROS giảm từ 0,17% xuống 0,07%, ROE từ 4,67% xuống 1,95%, và ROA từ 1,21% xuống 0,5%. Nguyên nhân chính do chi phí đầu vào tăng cao, bao gồm chi phí thu mua nguyên liệu, chế biến và logistics, trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt từ Ấn Độ, Thái Lan và Campuchia. Bên cạnh đó, biến động tỷ giá và giá bán gạo giảm do áp lực cạnh tranh tiếp tục ảnh hưởng đến biên lợi nhuận. Để ứng phó, Kigimex đã triển khai các giải pháp tối ưu chi phí, nâng cao hiệu suất sử dụng tài sản và mở rộng thị trường, nhằm cải thiện khả năng sinh lời trong thời gian tới.

Đánh giá chung

Nhìn chung, bức tranh tài chính của Kigimex cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Kigimex trong năm 2024 có phần chưa được như kỳ vọng. Tuy nhiên, với những dự báo lạc quan về môi trường kinh tế vĩ mô và kinh nghiệm ứng phó với các thách thức trong quá khứ, hoạt động kinh doanh của Kigimex có nhiều tiềm năng để bật trở lại trong năm 2025, tiếp tục duy trì đà tăng trưởng ổn định và nỗ lực tận dụng tốt các cơ hội kinh doanh.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần

Tổng số cổ phiếu đã phát hành

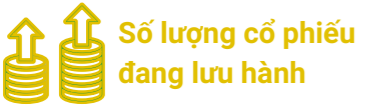
25.430.000 cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu chuyển nhượng tự do

25.430.000 cổ phiếu

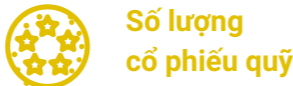
Tổng số cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng

0 cổ phiếu



Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

25.430.000 cổ phiếu



Số lượng cổ phiếu quỹ

0 cổ phiếu



Loại cổ phần

cổ phiếu phổ thông



Mệnh giá cổ phần

10.000 đồng/cổ phần

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 49%

Cơ cấu cổ đông theo phân loại

Tính tại ngày 31/12/2024

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông Nhà nước	21.184.800	21.184.800	83,306%
II	Cổ đông trong nước	4.244.900	4.244.900	16,692%
1	Cá nhân	4.240.100	4.240.100	16,674%
2	Tổ chức	4.800	4.800	0,019%
III	Cổ đông nước ngoài	300	300	0,001%
1	Cá nhân	300	300	0,001%
2	Tổ chức	-	-	-
Tổng cộng		25.430.000	25.430.000	100%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có

Các chứng khoán khác

Không có

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Tác động lên môi trường

Tại Hội nghị COP29 diễn ra tại Baku, Azerbaijan (11-22/11/2024), vấn đề sản xuất và thương mại lúa gạo được thảo luận sôi nổi trong bối cảnh biến đổi khí hậu ảnh hưởng mạnh đến ngành nông nghiệp. Các hiện tượng thời tiết cực đoan như hạn hán, lũ lụt và nhiệt độ tăng cao tác động trực tiếp đến năng suất, chất lượng và phân bố vùng trồng lúa, khiến các quốc gia sản xuất lớn như Việt Nam đối mặt với nhiều thách thức. Trước thực trạng này, các sáng kiến về giống cây trồng chịu hạn, công nghệ canh tác bền vững và hỗ trợ tài chính được đẩy mạnh để giúp ngành lúa gạo thích ứng tốt hơn. Đồng thời, giải pháp giảm phát thải khí methane (CH₄) từ hoạt động canh tác lúa cũng được chú trọng, với các phương pháp như canh tác lúa không ngập nước nhằm giảm thiểu tác động môi

trường và hướng đến phát triển bền vững.

Sản phẩm chủ lực của Kigimex là gạo, một loại cây trồng góp phần đáng kể vào phát thải N₂O. Vi khuẩn trong đất và nước tự nhiên chuyển đổi N₂ thành N₂O, nhưng việc sử dụng phân bón nhằm tăng năng suất lúa làm quá trình này gia tăng, đưa thêm N₂ vào môi trường. Để giảm phát thải và bảo vệ môi trường đất, Kigimex khuyến khích nông dân sử dụng phân bón hợp lý, tránh lạm dụng gây ô nhiễm. Đồng thời, công ty đề cao ý thức bảo vệ môi trường trong nội bộ, thúc đẩy nhân viên tham gia các hoạt động xanh. Kigimex cam kết tuân thủ chặt chẽ các quy định môi trường, hạn chế tối đa các tác động tiêu cực nhằm hướng đến phát triển bền vững.



Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Trong năm 2024, Kigimex đã sử dụng 442.784 tấn lúa gạo quy gạo và 1.048 tấn cá cơm tươi. Để chủ động nguồn hàng sản xuất kinh doanh, Công ty liên tục dự báo và thực hiện điều chỉnh kế hoạch quản lý nguồn nguyên liệu, linh hoạt trong chính sách mua hàng với các đối tác, từ đó giảm thiểu được tình trạng gián đoạn nguồn cung hoặc kém chất lượng. Ngoài ra, Công ty cũng thiết lập những quy định về bảo quản hóa chất dùng trong xử lý rác thải, để tránh trường hợp lạm dụng hóa chất, gây ô nhiễm môi trường sống.

Tiêu thụ năng lượng

Điện năng và xăng dầu là hai nguồn năng lượng không thể thiếu trong các hoạt động sản xuất và vận hành của Kigimex. Trong năm 2024, công ty đã chi 15,1 tỷ đồng cho điện năng và 77 triệu đồng cho xăng dầu phục vụ vận chuyển. Kigimex luôn chú trọng vào việc tối ưu hóa nguồn năng lượng qua các biện pháp tiết kiệm và quản

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Năm 2024, Kigimex tiếp tục tuân thủ nghiêm các quy định về bảo vệ môi trường và chưa từng bị xử phạt do có hành vi vi phạm kể từ khi thành lập. Việc tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường đã giúp Công ty hạn chế được các rủi ro về pháp lý, đồng thời nâng cao uy tín với khách hàng và tín nhiệm của cơ quan quản lý với hoạt động của Công ty .

lý chặt chẽ. Công ty không chỉ đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức của nhân viên về tiết kiệm năng lượng, mà còn thực hiện kiểm tra và bảo trì định kỳ các thiết bị, đảm bảo chúng hoạt động ở hiệu suất cao nhất. Đặc biệt, với các thiết bị cũ, Kigimex chủ động thay thế bằng công nghệ mới giúp tiết kiệm nhiên liệu, từ đó giảm thiểu chi phí và bảo vệ môi trường, góp phần vào sự phát triển bền vững của công ty.

Tiêu thụ nước

Trong năm 2024, tổng chi phí nước sử dụng là 899 triệu đồng, chủ yếu phục vụ cho hoạt động vận chuyển và lưu kho gạo. Để tối ưu hóa tài nguyên này, Công ty đã triển khai các biện pháp kiểm tra và bảo trì hệ thống cấp nước định kỳ, đồng thời đảm bảo đóng chặt van nước để ngăn ngừa sự cố rò rỉ. Kigimex cũng không ngừng nâng cao nhận thức của cán bộ, công nhân viên về tầm quan trọng của việc tiết kiệm nước.



BẢO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

Chính sách liên quan đến người lao động

Chỉ tiêu	2020	2021	2022	2023	2024
Tổng số lượng người lao động (người)	280	284	264	254	268
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	7.867.000	7.923.000	7.680.000	11.190.000	11.630.000

Sau khi sắp xếp lại lao động, tổng số lao động đến thời điểm 31/12/2024 là 268 người, tăng 14 người so với năm 2023. Mức lương trung bình của một người lao động trong một tháng tại Công ty là 11.630.000 đồng, tăng nhẹ 3,9% so với năm 2023.

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Chính sách lao động tại Kigimex ngày càng được chú trọng nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi cho người lao động. Công ty xây dựng môi trường làm việc năng động, công bằng, thân thiện, đồng thời chăm lo cả vật chất lẫn tinh thần cho nhân viên. Năm 2024, tổng quỹ lương ước đạt 36,309 tỷ đồng, với mức bình quân 11,63 triệu đồng/người/tháng, trong đó quỹ lương cán bộ quản lý là 3,029 tỷ đồng và quỹ lương người lao động là 33,28 tỷ đồng. Kigimex thực hiện đầy đủ chính sách bảo hiểm, tổ

chức khám sức khỏe định kỳ và hỗ trợ nhân viên khi ốm đau, nghỉ thai sản. Ngoài ra, công ty thường xuyên tổ chức hoạt động văn nghệ, giao lưu, du lịch nhằm giúp nhân viên giải trí, giảm áp lực. Những cá nhân có đóng góp nổi bật trong hoạt động kinh doanh được ghi nhận và nhận thưởng xứng đáng, với chính sách khen thưởng gắn liền với kết quả công việc, đảm bảo công bằng. Nhờ đó, Kigimex tạo động lực làm việc hiệu quả và tăng cường sự gắn bó lâu dài của nhân viên với công ty.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Kigimex luôn xác định sự phát triển của Công ty gắn liền với trách nhiệm xã hội, với cam kết mang lại giá trị bền vững cho cộng đồng. Năm 2024, Công ty đã đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ cộng đồng, từ việc hợp tác với các chuyên gia để giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn đến việc tham gia vào các chương trình xây dựng cộng đồng lâu dài. Ngoài việc hỗ trợ

tài chính cho các sáng kiến cộng đồng, Kigimex còn tích cực tham gia các hoạt động xã hội tại các khu vực mà Công ty đang hoạt động. Những nỗ lực này không chỉ giúp cải thiện đời sống cộng đồng mà còn khẳng định, hiện thực hóa trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

BẢO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

Hoạt động đào tạo người lao động

Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực là chiến lược trọng tâm của Kigimex, tạo nền tảng vững chắc cho mục tiêu phát triển bền vững. Công ty không chỉ trang bị kiến thức chuyên môn mà còn chú trọng rèn luyện kỹ năng mềm, giúp tối ưu hiệu quả công việc và nâng cao năng suất lao động. Điều này không chỉ mang lại lợi ích trực tiếp mà còn tạo môi trường làm việc tích cực, khuyến khích sáng tạo và đổi mới.

Kigimex triển khai các chương trình đào tạo định kỳ, xây dựng kế hoạch phù hợp với từng vị trí và năng lực cá nhân, giúp nhân viên phát triển toàn diện. Ngoài các khóa học chính thức, công ty còn tổ chức hội thảo nội bộ để chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm thực tiễn giữa các bộ phận, góp phần nâng cao hiểu biết về công việc và tạo sự đồng thuận trong vận hành.

Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Thị trường vốn xanh cho phép doanh nghiệp tiếp cận nguồn lực tài chính để thực hiện các dự án mang lại lợi ích cho môi trường và phát triển bền vững. Mặc dù Kigimex hiện tại chưa tham gia vào thị trường vốn xanh, nhưng Công ty luôn đặt mục tiêu phát triển bền vững lên hàng đầu. Kigimex cam kết thực hiện các trách nhiệm đối với môi trường thông qua các sáng kiến và hoạt động bảo vệ thiên nhiên. Trong tương lai, khi nhu cầu tham gia thị trường vốn xanh trở nên cấp thiết, những cam kết về môi trường hiện tại sẽ là nền tảng vững chắc giúp Kigimex tiến xa hơn trong việc thúc đẩy các dự án xanh và bền vững, đồng thời củng cố chiến lược phát triển lâu dài.





BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
- TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
- NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ
- KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI
- GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN
- BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây

Năm 2024, nền kinh tế toàn cầu tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn khi cạnh tranh chiến lược giữa các quốc gia ngày càng khốc liệt. Thiên tai, biến đổi khí hậu ảnh hưởng nghiêm trọng đến nông nghiệp, làm gia tăng nguy cơ về an ninh lương thực và năng lượng. Sự phục hồi của các quốc gia sản xuất lúa gạo chủ lực trong khu vực khiến cạnh tranh về giá và chất lượng ngày càng gay gắt. Trước tình hình này, Kigimex gặp nhiều thách thức khi giá nguyên liệu, chi phí vận chuyển và hoạt động biến động mạnh. Tuy nhiên, công ty cũng có cơ hội mở rộng thị trường và tiếp cận các đơn hàng mới ngoài thị trường truyền thống. Để tận dụng cơ hội, Kigimex cần linh hoạt điều chỉnh chiến lược, thích ứng nhanh với những biến động kinh tế.

Khó khăn

Năm 2024, Kigimex đối mặt với nhiều thách thức trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngành lương thực chịu tác động từ thị trường xuất khẩu chính như Ghana và Philippines, với chi phí logistics và cước vận chuyển tăng cao, cùng hạn chế về máy móc khiến năng lực sản xuất chưa đáp ứng yêu cầu. Biến động tỷ giá USD và chính sách thuế xuất khẩu của Ấn Độ cũng ảnh hưởng đến sức cạnh tranh của gạo Việt Nam. Ngành cá cơm gặp khó khăn do thị trường tiêu thụ chưa phục hồi, chi phí khai thác, chế biến tăng và cơ sở vật chất chưa đáp ứng yêu cầu. Trong ngành xăng dầu, cạnh tranh gay gắt và mức chiết khấu giảm hiệu quả tạo áp lực lớn lên chính sách bán hàng. Để duy trì lợi nhuận, Kigimex đẩy mạnh bán hàng, tăng sản lượng hơn 50% so với kế hoạch. Dù đối diện nhiều áp lực, công ty đã linh hoạt điều chỉnh chiến lược, đảm bảo chất lượng sản phẩm và duy trì hiệu quả kinh doanh.

Thuận lợi

Năm 2024, Kigimex tận dụng hiệu quả lợi thế cơ sở vật chất quy mô lớn, với hệ thống kho chứa lương thực 144.000 tấn/năm, công suất sấy lúa 90.000 tấn/năm và xay xát 160.000 tấn/năm. Đồng thời, công ty duy trì năng lực thu mua và chế biến cá cơm tươi 1.200 tấn/năm, vận hành hệ thống kho lạnh và vận chuyển xăng dầu chuyên dụng, giúp tối ưu cung ứng và phân phối đơn hàng. Ngoài ra, Kigimex nhận được sự hỗ trợ vững chắc từ cổ đông lớn, Hội đồng quản trị và các ngân hàng thương mại, đồng thời duy trì mối quan hệ tốt với khách hàng. Những yếu tố này giúp công ty củng cố hoạt động sản xuất kinh doanh và vượt qua thách thức trong năm 2024.

Những tiến bộ Công ty đã đạt được

Năm 2024, Kigimex đạt nhiều tiến bộ trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhờ sự lãnh đạo kịp thời của Đảng ủy và Hội đồng quản trị. Công ty triển khai mô hình quản trị tập trung, tối ưu hóa quản lý dòng tiền, đầu tư đúng thời điểm và tăng cường phối hợp giữa các bộ phận. Bộ máy tổ chức được tinh gọn, giúp nâng cao năng suất lao động. Công tác dự báo giá cả và nhu cầu thị trường được thực hiện hiệu quả, giúp công ty đạt và vượt các chỉ tiêu doanh thu, kim ngạch xuất khẩu. Kigimex duy trì mạng lưới khách hàng truyền thống, mở rộng hợp tác với các nhà cung cấp uy tín, bổ sung hơn 2.900 tấn hàng trong các hợp đồng mới. Đồng thời, các hạng mục đầu tư và nâng cấp máy móc, thiết bị hoàn thành trên 85% kế hoạch, góp phần tối ưu hóa sản xuất và giảm chi phí. Những kết quả này không chỉ khẳng định sự bền bỉ vượt khó mà còn tạo nền tảng vững chắc cho sự bứt phá trong năm 2025.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Đơn vị tính: Triệu đồng					
Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	TH 2024/ TH 2023	Tỷ trọng năm 2023	Tỷ trọng năm 2024
Tài sản ngắn hạn	865.551	853.900	98,65%	81,87%	82,4%
Tiền và các khoản tương đương tiền	149.462	22.096	14,78%	14,14%	2,13%
Các khoản phải thu ngắn hạn	169.425	258.633	152,65%	16,03%	24,96%
Hàng tồn kho	492.183	525.106	106,68%	46,56%	50,67%
Tài sản ngắn hạn khác	54.482	48.063	88,22%	5,15%	4,64%
Tài sản dài hạn	191.639	182.431	95,19%	18,13%	17,6%
Các khoản phải thu dài hạn	75	75	100%	0,01%	0,01%
Tài sản cố định	133.718	122.264	91,43%	12,65%	11,8%
Tài sản dở dang dài hạn	1.356	2.153	158,74%	0,13%	0,21%
Tài sản dài hạn khác	56.490	57.938	102,56%	5,34%	5,59%
Tổng tài sản	1.057.190	1.036.331	98,02%	100,00%	100,00%

Tình hình tài sản của Kigimex năm 2024 duy trì ổn định so với 2023, với một số thay đổi đáng chú ý. Tài sản ngắn hạn chiếm 82,4% tổng tài sản, phản ánh đặc thù thâm dụng vốn lưu động cao của ngành lúa gạo. Tiền và các khoản tương đương tiền giảm mạnh 85,22%, còn 22.096 triệu đồng, do dòng tiền thu về từ khách hàng chưa kịp phản ánh vào cuối năm. Khoản phải thu ngắn hạn tăng 52,65% lên 258.633 triệu đồng nhờ công ty mở rộng danh mục khách hàng, đặc biệt ở thị trường trong nước và xuất khẩu. Hàng tồn kho tăng 6,68%, đạt 525.106 triệu đồng, chiếm 50,67% tổng tài sản, do công ty tiếp tục tích trữ nguyên liệu trong bối cảnh giá gạo biến động. Tài sản dài hạn giảm 4,81%, chủ yếu do tài sản cố định giảm 8,57% khi một số máy móc hết khấu hao. Tuy nhiên, tài sản dở dang dài hạn tăng 58,74% khi Công ty đầu tư nâng cấp, mở rộng hệ thống nhà máy, thiết bị sản xuất nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh.

Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Tỷ trọng năm 2023	Tỷ trọng năm 2024
A	Nợ phải trả	786.137	771.229	74,36%	74,42%
I	Nợ ngắn hạn	783.100	769.379	74,07%	74,24%
1	Vay ngắn hạn	380.429	690.222	35,98%	66,6%
2	Phải trả người bán	343.854	19.218	32,53%	1,85%
3	Người mua trả tiền trước	13.718	6.912	1,30%	0,67%
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.944	7.325	0,56%	0,71%
5	Phải trả người lao động	9.021	10.603	0,85%	1,02%
6	Chi phí phải trả	19.995	19.989	1,89%	1,93%
7	Các khoản phải trả, phải nộp khác	643	614	0,06%	0,06%
8	Dự phòng phải trả ngắn hạn	7.500	12.471	0,71%	1,2%
9	Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.997	2.023	0,19%	0,2%
II	Nợ dài hạn	3.036	1.850	0,29%	0,18%
B	Vốn chủ sở hữu	271.054	265.101	25,64%	25,58%
I	Vốn chủ sở hữu	271.054	265.101	25,64%	25,58%
II	Nguồn kinh phí từ quỹ khác	0	0	0,00%	0,00%
Tổng nguồn vốn		1.057.190	1.036.331	100,00%	100,00%

Năm 2024, nợ phải trả của Kigimex chủ yếu là nợ ngắn hạn, chiếm 74,24% tổng nguồn vốn, trong khi nợ dài hạn giảm xuống còn 1.850 triệu đồng. Tổng nợ phải trả giảm nhẹ 1,9% (14.908 triệu đồng), phản ánh chính sách kiểm soát tài chính chặt chẽ. Vay ngắn hạn tăng mạnh, đạt 690.222 triệu đồng (tăng 309,7 tỷ đồng so với 2023), chiếm 66,6% tổng nợ phải trả, do công ty gia tăng nhu cầu vốn lưu động để thu mua lúa gạo trong bối cảnh giá nguyên liệu biến động.

Ngược lại, khoản phải trả người bán giảm mạnh 324 tỷ đồng, còn 19.218 triệu đồng, cho thấy Kigimex đã thanh toán gần hết công nợ với nhà cung cấp và không chủ trương tích trữ hàng tồn kho cho năm sau. Các khoản thuế, phải trả người lao động và quỹ khen thưởng phúc lợi được duy trì ổn định. Trong bối cảnh chi phí đầu vào và tài chính biến động, Kigimex kiểm soát tốt nghĩa vụ nợ, duy trì cân đối tài chính hợp lý, đảm bảo hoạt động kinh doanh ổn định và bền vững.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Được sự quan tâm chỉ đạo, tạo điều kiện kịp thời từ Đảng ủy, Hội đồng quản trị Tổng Công ty, nên phát huy được năng lực lãnh đạo, tập trung sức mạnh tập thể tìm giải pháp, hướng đi mới cho Công ty và thực hiện được một số công việc trọng tâm như sau:

Công tác đảng:

Đảng ủy Công ty phối hợp cùng Hội đồng quản trị chỉ đạo Ban Điều hành tổ chức triển khai thực hiện hoàn thành tốt công tác xây dựng đảng và công tác sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2024.

Công tác tổ chức nhân sự:

- Tiếp tục thực hiện mô hình quản trị tập trung về tổ chức, kinh doanh, tài chính, đầu tư và tiến đến quản trị sản xuất. Qua đó, Công ty đã quản lý chặt chẽ, kịp thời mọi hoạt động, quản trị tốt dòng tiền, đầu tư kịp thời các hạng mục cấp thiết và thực hiện tốt việc hợp tác kinh doanh, phát huy nguồn lực toàn Công ty và tăng hiệu quả đáng kể, giúp Công ty duy trì tốt hiệu quả kinh doanh nhiều năm liên tục.
- Bộ máy tổ chức cơ bản đã được tinh gọn, kiện toàn các chức danh quản lý; sử dụng lao động phù hợp với vị trí việc làm để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả.
- Hoàn thiện công tác quy hoạch cấp ủy, cán bộ quản lý trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Công tác điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh:

- Theo sát kế hoạch SXKD từng phân kỳ để triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch đề ra, từ đó đã định hướng, chỉ đạo các đơn vị thực hiện tốt công tác SXKD.
- Công tác dự báo thông tin giá cả thị trường, nhu cầu khách hàng được thực hiện tốt và thường xuyên, ngày càng nâng cao tính chính xác đã giúp cho công tác mua vào, bán ra các ngành hàng đạt hiệu quả.
- Sản lượng mua vào, bán ra, doanh thu, kim ngạch xuất khẩu đạt khá cao so với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2024, một số chỉ tiêu vượt so cùng kỳ.

- Duy trì và mở rộng được khách hàng, thâm nhập thị trường mới.
- Công ty luôn bám sát thị trường, mở rộng thêm quan hệ với hàng xóm, đẩy mạnh mua vào bán ra đạt kế hoạch sản lượng và định phí.
- Có tổ chức đánh giá, chọn lọc nhà cung ứng có uy tín, có năng lực. Trong năm 2024, Công ty đã phát triển thêm 05 nhà cung ứng (Trang Nguyễn, Phước Tấn Phát, Vĩnh Thịnh, Việt Long, Tam Lộc) với số lượng thực hiện hợp đồng trên 2.900 tấn.
- Trong sản xuất chế biến luôn đảm bảo theo đúng quy chế quản lý sản xuất chế biến lương thực của Công ty, trong mua bán luôn đặc biệt chú trọng an toàn tiền hàng, thường xuyên kiểm soát chất lượng, số lượng hàng hóa.

Công tác tài chính kế toán:

- Thường xuyên thực hiện cân đối, đảm bảo đủ nguồn vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư.
- Thực hiện tốt công tác kế toán, lập báo cáo tài chính định kỳ đúng quy định.

Công tác đầu tư, xây dựng cơ bản:

- Rà soát, đánh giá lại tài sản; hợp tác khai thác/sử dụng tài sản tạo nguồn thu bổ sung vào nguồn vốn kinh doanh.
- Sắp xếp dây chuyền sản xuất để tối ưu hiệu quả hoạt động, tiết kiệm chi phí.
- Triển khai thực hiện các hạng mục đầu tư và sửa chữa, nâng cấp máy móc thiết bị đạt trên 85% kế hoạch năm 2024.

Về công tác tổ chức ĐHĐCĐ thường niên:

Tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên năm 2024. Hội đồng quản trị đã chỉ đạo và giao Ban Điều hành tổ chức thực hiện các nội dung của Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua với kết quả đạt và vượt các chỉ tiêu được quyết nghị.

Ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số:

Công ty đã ứng dụng công nghệ vào công tác quản lý: xây dựng bộ nhận dạng thương hiệu, thiết kế website Công ty, ứng dụng văn phòng điện tử, phần mềm để quản lý hoạt động SXKD kinh doanh và trang bị thiết bị chuyên dùng phục vụ hội nghị trực tuyến với Tổng Công ty, các đơn vị trực thuộc.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Trên cơ sở dự báo thị trường, với thực trạng nguồn nhân lực, khả năng tài chính, năng lực máy móc, thiết bị hiện có, nguồn cung và đối tác khách hàng hiện có, Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch Năm 2025
I	Mua vào		
1	Lúa, gạo quy gạo	Tấn	278.000
2	Cá cơm tươi (quy tươi)	Tấn	900
3	Xăng dầu	Triệu lít	18
II	Bán ra		
1	Lúa, gạo quy gạo	Tấn	278.000
-	Xuất khẩu	Tấn	250.000
-	Nội địa	Tấn	28.000
2	Cá cơm (thành phẩm)	Tấn	225.000
3	Xăng dầu	Triệu lít	18
III	Kim ngạch		
1	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	156,85
2	Kim ngạch nhập khẩu	Triệu USD	
IV	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	4.550
V	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	15,50
VI	Nộp NSNN	Thực hiện theo quy định	

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Định hướng phát triển thị trường, khách hàng:
Kế hoạch xuất khẩu năm 2025 được xây dựng trên cơ sở cân đối nhu cầu nhập khẩu trong năm 2025 của các thị trường. Công ty tập trung vào thị trường thương mại tiêu thụ gạo thơm, gạo đặc sản, duy trì giao dịch các khách hàng truyền thống song song với khai thác khách hàng mới như sau:

STT	Thị trường, khách hàng	Kế hoạch sản lượng	Dự kiến chủng loại hàng xuất khẩu				Tổng giá trị XK (tr. USD)	Quy tiền VNĐ (triệu đồng)
			Gạo trắng TP	Gạo thơm+ đặc sản	Tấm	Cá cơm TP		
I	Gạo quy gạo	250.000	25.000	210.000	15.000	-	156,185	3.779,677
1	Châu Á	47.000	25.000	22.000	-	-	26,040	630.168
2	Châu Phi	199.000	-	185.000	14.000	-	127,755	3.091,671
3	Thị trường khác	4.000	-	3.000	1.000	-	2,390	57.838
II	Cá cơm	135				135	660	15.975
TỔNG CỘNG XK		250.135	25.000	210.000	15.000	135	158,845	3.795,652

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Nguồn lực tài chính:
Trên cơ sở nhu cầu vốn kinh doanh năm 2025, Công ty dự kiến huy động vốn là 3.620 tỷ đồng, từ các ngân hàng đã giao dịch năm 2024 và mở rộng thêm hạn mức tại các ngân hàng mới theo hình thức thế chấp tài sản, hàng tồn kho và công nợ phải thu. Các ngân hàng thường cấp hạn mức không cam kết và dễ thay đổi đột xuất nên việc tiếp cận được nhiều nguồn là cần thiết và Công ty sẽ có cơ hội đàm phán, lựa chọn vay vốn với lãi suất cạnh tranh, lựa chọn bán ngoại tệ với tỷ giá tốt nhất.

Kế hoạch đầu tư 2025:
Dự kiến trong năm 2024, Công ty triển khai đầu tư các dự án. Trong đó cụ thể như sau:

- Kế hoạch đầu tư, xây dựng cơ bản: 15,305 tỷ đồng (trong đó: 8,935 tỷ đồng là vốn vay, 6,373 tỷ đồng là từ Vốn chủ sở hữu và Quỹ đầu tư phát triển)
- Kế hoạch sửa chữa, nâng cấp máy móc thiết bị: 8,03 tỷ đồng.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Ý kiến của Kiểm toán đối với báo cáo tài chính của Kigimex là ý kiến chấp nhận toàn phần. Do đó, Ban Tổng Giám đốc không giải trình gì thêm.





BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY



Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Kigimex sử dụng điện năng, xăng dầu và nước với tổng chi phí lần lượt là 15.136 triệu đồng, 77 triệu đồng và 899 triệu đồng. Để đảm bảo nguồn năng lượng đáp ứng nhu cầu sản xuất, công ty hợp tác với các nhà cung cấp uy tín, xây dựng kế hoạch quản lý tiêu thụ hiệu quả và tuyên truyền ý thức tiết kiệm tài nguyên đến toàn bộ nhân viên.

Bên cạnh đó, Kigimex luôn tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường, không vi phạm quy định trong năm 2024, qua đó hạn chế rủi ro pháp lý và nâng cao uy tín thương hiệu. Nhận thức rõ canh tác

lúa là nguồn phát thải N₂O lớn do phân bón hóa học, công ty khuyến khích nông dân sử dụng phân bón hợp lý để giảm phát thải khí nhà kính và bảo vệ môi trường đất, nước.

Ngoài ra, Kigimex đẩy mạnh các chương trình nâng cao ý thức bảo vệ môi trường trong nội bộ, khuyến khích nhân viên tham gia các hoạt động bảo vệ tài nguyên. Công ty cam kết tuân thủ đầy đủ các quy định về môi trường, đồng thời tìm kiếm giải pháp sản xuất xanh, giảm thiểu tác động tiêu cực đến hệ sinh thái, hướng đến phát triển bền vững.

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Kigimex luôn hướng đến việc xây dựng một môi trường làm việc năng động, công bằng và an toàn, nơi nhân viên có thể phát triển bền vững và được hưởng phúc lợi tương xứng với giá trị đóng góp của mình. Trong năm 2024, quỹ tiền lương của công ty đạt 36,309 tỷ đồng, trong đó quỹ lương dành cho người quản lý là 3,029 tỷ đồng, còn 33,28 tỷ đồng được phân bổ cho người lao động, với mức lương bình quân đạt 11,63 triệu đồng/người/tháng.

Kigimex luôn coi đào tạo và phát triển nhân sự là một phần quan trọng trong chiến lược của công ty. Công ty thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo chuyên sâu, cung cấp cơ hội học hỏi và nâng cao trình độ chuyên môn để giúp nhân viên phát triển sự nghiệp lâu dài.

Bên cạnh chính sách đào tạo, Kigimex cũng đảm bảo đầy đủ quyền lợi cho người lao động thông qua các chế độ bảo hiểm, khám sức khỏe định kỳ, và trợ cấp trong các trường hợp ốm đau hoặc nghỉ thai sản. Những chính sách này không chỉ giúp nhân viên yên tâm làm việc mà còn góp phần xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, gắn kết và bền vững tại Kigimex.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Kigimex luôn xác định chiến lược phát triển phải gắn liền với trách nhiệm xã hội, thể hiện cam kết đóng góp tích cực vào sự phát triển của cộng đồng. Trong năm 2024, công ty đã tăng cường hợp tác với các tổ chức xã hội chuyên nghiệp, triển khai các chương trình hỗ trợ dành cho những hoàn cảnh khó khăn, không chỉ về kinh phí mà còn cả nhân lực.

Bên cạnh việc duy trì các hoạt động thiện nguyện, Kigimex cũng chú trọng đến việc xây dựng các giá trị bền vững cho cộng đồng, đảm bảo rằng những đóng góp của công ty không chỉ mang lại lợi ích trước mắt mà còn tạo ra tác động lâu dài. Những nỗ lực này không chỉ giúp Kigimex thể hiện trách nhiệm xã hội, mà còn góp phần tăng cường uy tín thương hiệu và thắt chặt mối quan hệ với cộng đồng nơi công ty hoạt động.





BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY
- ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
- CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Kigimex luôn xác định chiến lược phát triển phải gắn liền với trách nhiệm xã hội, thể hiện cam kết đóng góp tích cực vào sự phát triển của cộng đồng. Trong năm 2024, công ty đã tăng cường hợp tác với các tổ chức xã hội chuyên nghiệp, triển khai các chương trình hỗ trợ dành cho những hoàn cảnh khó khăn, không chỉ về kinh phí mà còn cả nhân lực.

Bên cạnh việc duy trì các hoạt động thiện nguyện, Kigimex cũng chú trọng đến việc xây dựng các giá trị bền vững cho cộng đồng, đảm bảo rằng những đóng góp của công ty không chỉ mang lại lợi ích trước mắt mà còn tạo ra tác động lâu dài. Những nỗ lực này không chỉ giúp Kigimex thể hiện trách nhiệm xã hội, mà còn góp phần tăng cường uy tín thương hiệu và thắt chặt mối quan hệ với cộng đồng nơi công ty hoạt động.

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

Hội đồng quản trị giám sát chặt chẽ hoạt động của Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 thông qua hệ thống báo cáo định kỳ và đột xuất. Ban Tổng giám đốc tuân thủ đầy đủ Điều lệ, quy chế nội bộ về quản trị công ty, cũng như các Nghị quyết và Quyết định của HĐQT.

HĐQT thực hiện nhiệm vụ giám sát với nguyên tắc trung thực, cẩn trọng và khách quan, đặc biệt trong quá trình phê duyệt các nội dung thuộc thẩm quyền. Ban Tổng giám đốc thể hiện sự chủ động, nhạy bén, linh hoạt điều chỉnh phương pháp quản trị doanh nghiệp nhằm giảm thiểu rủi ro trước biến động thị trường trong và ngoài nước.

Trong năm 2024, Hội đồng quản trị đã thực hiện giám sát Ban Tổng giám đốc thực hiện các công việc sau:

- Giám sát thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.
- Chỉ đạo Ban điều hành tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.
- Giám sát việc quản lý, sử dụng vốn đúng mục đích, bảo toàn và phát triển được vốn chủ sở hữu và đảm bảo hệ số Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu ở ngưỡng an toàn và hiệu quả.
- Công tác kinh doanh xuất nhập khẩu.
- Công tác đầu tư, mua sắm của công ty.
- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 vào ngày 15/4/2024 theo đúng quy định.

Kết quả giám sát

" Ban Tổng Giám đốc đã có nhiều sự nỗ lực để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, tuân thủ chặt chẽ các quy định của Pháp luật, Điều lệ, và quy chế quản lý nội bộ của Công ty. Ban Tổng Giám đốc đã tự quản lý và kiểm soát một cách chủ động việc sử dụng vốn trong quá trình sản xuất kinh doanh để đạt được hiệu quả cao nhất. Thực hiện đánh giá và giữ chặt các định hướng, kế hoạch từ Hội đồng quản trị và Nghị quyết Đại hội cổ đông. Công việc này đã được triển khai và thực hiện đúng theo kế hoạch, hỗ trợ hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đã được đề ra.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐVT	Doanh thu	Lợi nhuận	Đầu tư
Tỷ đồng	4.550	15,50	15,305

Các hoạt động để đạt mục tiêu trên

Về công tác quản lý điều hành sản xuất kinh doanh

Công ty phát huy mô hình quản trị tập trung, tối ưu nguồn lực và chủ động nắm bắt thông tin thị trường để tổ chức mua bán hàng hóa theo đúng quy định, kiểm soát rủi ro hiệu quả. Đồng thời, Kigimex nâng cao chất lượng sản phẩm, mở rộng thị trường, tăng cường giao dịch bán hàng và duy trì chăm sóc khách hàng truyền thống. Công ty đẩy mạnh khai thác thông tin, dự báo thị trường, đánh giá và lựa chọn nhà cung ứng, khách hàng uy tín, đặc biệt trong ngành xăng dầu cần duy trì quan hệ với doanh nghiệp đầu mối, theo dõi mức chiết khấu và chính sách bán hàng. Ngoài ra, Kigimex tối ưu vòng quay hàng tồn kho, đảm bảo sản lượng, thu hồi định phí và duy trì lợi nhuận, đồng thời thực hiện nghiêm túc bảo mật thông tin để đảm bảo an toàn và hiệu quả trong hoạt động kinh doanh.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Các hoạt động để đạt mục tiêu trên

Về công tác quản lý điều hành sản xuất kinh doanh

Công ty lập kế hoạch mua vào - bán ra nhằm tối ưu hiệu quả kinh doanh, đồng thời giám sát chặt chẽ chủ trương chế biến từ lúa và gạo xô lứt, đảm bảo đạt tối thiểu 50% tổng sản lượng mua vào. Kigimex nâng cao quản lý sản xuất, tối ưu quy trình lưu kho, bảo quản hàng hóa, tiết giảm chi phí và hạ giá thành sản phẩm. Công ty áp dụng phương án kinh doanh “Hai tăng, hai giảm”: giảm giá đầu vào, giảm chi phí; tăng tỷ lệ thu hồi, tăng chất lượng. Trong ngành lương thực, Kigimex tuân thủ quy chế sản xuất, đảm bảo an toàn tiên hàng, kiểm soát chất lượng và số lượng tồn kho. Đồng thời, công ty bám sát thị trường, mở rộng nhà cung ứng, đẩy mạnh mua bán theo kế hoạch, ưu tiên thu mua lúa, gạo xô để khai thác tối đa công suất máy móc.

• Ngành lương thực:

Công ty đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh tuân thủ quy chế, an toàn tiên hàng và kiểm soát chặt chẽ chất lượng, số lượng tồn kho. Đồng thời, Kigimex bám sát thị trường, mở rộng nhà cung ứng, đẩy mạnh mua bán theo kế hoạch, ưu tiên thu mua lúa, gạo xô để tối ưu công suất máy móc. Bên cạnh đó, công ty triển khai và giám sát chặt chẽ việc thực hiện chủ trương chế biến từ lúa và gạo xô lứt, đảm bảo đạt tối thiểu 50% tổng sản lượng mua vào.

• Ngành hàng cá cơm:

Công ty theo sát thông tin ngư trường, chủ động điều tàu thu mua khi có cá, cân đối tồn kho và hạn chế thu mua cá lẫn tạp để kiểm soát giá thành. Đồng thời, Kigimex nắm bắt nhu cầu thị trường, tăng cường trao đổi với khách hàng để hoạch định chiến lược bán hàng hiệu quả. Công ty đảm bảo tiêu chuẩn ATVSTP, đặc biệt đối với sản phẩm tiêu dùng trực tiếp như cá cơm ăn liền, đồng thời nghiên cứu, cải tiến kỹ thuật chế biến nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và tăng khả năng cạnh tranh.

• Ngành hàng xăng dầu:

Công ty tuân thủ chặt chẽ các quy chế, quy định và văn bản chỉ đạo, đồng thời theo sát thị trường, duy trì liên lạc với các doanh nghiệp đầu mối để cập nhật chính sách bán hàng, xây dựng chiến lược cạnh tranh và lựa chọn khách hàng uy tín, an toàn. Kigimex định mức lại tiêu hao nhiên liệu, lập kế hoạch sản lượng với đơn giá chi phí hợp lý và triển khai các giải pháp tăng sản lượng bán ra. Công ty cũng mở rộng hệ thống khách hàng mới với tiêu chí sản lượng cao, uy tín tài chính, thanh toán nhanh, nhằm tối ưu giá bán, thu định phí, nâng cao sức cạnh tranh và tạo nền tảng phát triển bền vững trong dài hạn.

Về công tác huy động vốn, quản lý tài chính kế toán

Công ty tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính, mở rộng quan hệ tín dụng với ngân hàng để đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư. Đồng thời, Kigimex theo dõi sát tỷ giá, lãi suất để đề xuất phương án vay vốn hiệu quả, cân đối dòng tiền và lập kế hoạch trả nợ đúng quy định. Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán và quy định về thuế, tiếp tục hoàn thiện hồ sơ hoàn thuế, thực hiện quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp, thu nhập cá nhân và kê khai thuế theo quy định. Ngoài ra, Kigimex triển khai cập nhật Luật thuế GTGT số 48/2024/QH15 có hiệu lực từ 1/7/2025 đến các phòng ban liên quan. Công ty cũng tăng cường kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng vốn, tài sản tại các đơn vị trực thuộc, quản lý chi phí hiệu quả nhằm bảo toàn nguồn vốn và tránh phát sinh công nợ khó đòi.

Về công tác tổ chức, nhân sự

Công ty nghiên cứu xây dựng đề án sắp xếp cơ cấu tổ chức theo chủ trương của Tổng công ty, đồng thời kiện toàn nhân sự quản lý, tinh gọn bộ máy và nâng cao phương thức quản trị nhằm tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp. Kigimex tiếp tục đào tạo, tuyển dụng và thu hút nhân sự để phát triển mảng giao dịch bán hàng xuất khẩu và nội địa. Bên cạnh đó, công ty hoàn thiện các quy chế quản lý, hệ thống quy định, quy trình áp dụng thống nhất trong toàn bộ hoạt động. Đồng thời, Kigimex tăng cường đoàn kết nội bộ và bảo vệ bí mật trong sản xuất kinh doanh.

Về công tác đầu tư xây dựng cơ bản

Công ty triển khai đúng kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản theo quy định, đảm bảo đầu tư đúng trình tự và pháp luật. Đồng thời, Kigimex rà soát, nâng cấp máy móc thiết bị, ưu tiên các hạng mục cấp thiết và điều chuyển hợp lý hệ thống để giảm chi phí sản xuất, nâng cao chất lượng chế biến, đáp ứng nhu cầu thị trường. Công ty tiếp tục tìm kiếm đối tác hợp tác, khai thác và nhận ký gửi hàng hóa nhằm tối ưu hiệu suất sử dụng kho bãi và thiết bị. Bên cạnh đó, Kigimex rà soát, đề xuất thanh lý tài sản, công cụ dụng cụ hư hỏng để thu hồi vốn kịp thời và hiệu quả. Công ty cũng thực hiện thủ tục chuyển đổi tên chủ sở hữu lô đất tại huyện Kiên Lương sang tên hiện hữu.

Về công tác thu hồi công nợ

Thu hồi công nợ: quyết liệt đề ra giải pháp để thu hồi nợ nhằm lành mạnh tài chính, giảm thiểu số phải trích lập dự phòng và báo cáo theo quy định.

Về công tác chuyển đổi số

Công ty tập trung nghiên cứu và triển khai chủ trương chuyển đổi số theo định hướng của Tổng công ty, ứng dụng công nghệ vào quản lý và điều hành. Kigimex nâng cấp website và dự kiến bổ sung kênh bán hàng trực tuyến, đồng thời nghiên cứu áp dụng phần mềm trong quản lý sản xuất chế biến tại các đơn vị trực thuộc và quản trị xuất, nhập hàng hóa trên toàn công ty nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động.



QUẢN TRỊ CÔNG TY

- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- BAN KIỂM SOÁT
- CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành phần và cơ cấu HĐQT

Tính tại ngày 31/12/2024

STT	Thành viên	Chức vụ	Cá nhân sở hữu		Đại diện sở hữu	
			Cá nhân sở hữu	Đại diện sở hữu	Cá nhân sở hữu	Đại diện sở hữu
1	Ông Bạch Ngọc Văn	Chủ tịch HĐQT	251.600	0,99%	7.628.664	30,00%
2	Ông Mai Thành Công	Phó Chủ tịch HĐQT	5.000	0,02%	5.085.776	20,00%
3	Bà Dương Thị Thanh Nguyệt	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	101.500	0,40%	5.927.472	23,31%
4	Ông Phạm Minh Trung	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	0	0,00%	2.542.888	10,00%
5	Bà Trần Tú Khanh	Thành viên HĐQT	8.600	0,03%	0	0%



ÔNG BẠCH NGỌC VĂN

Chủ tịch HĐQT

- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cao học Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:
 - + 1997 - 1998: Thực tập viên xuất nhập khẩu, phòng xuất nhập khẩu Công ty Rau quả TP. HCM.
 - + 1998 - 1999: Nhân viên xuất nhập khẩu, phòng nhập khẩu Trung tâm dụng cụ y khoa quận 1, TP. HCM.
 - + 01/2000 - 03/2000: Nhân viên xuất nhập khẩu Công ty TDS, quận 10, TP. HCM.
 - + 04/2000 - 05/2000: Nhân viên Chi nhánh TP.HCM thuộc Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
 - + 05/2000 - 04/2002: Nhân viên phòng Kế hoạch kinh doanh – Xuất nhập khẩu, Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
 - + 05/2002 - 05/2004: Phó phòng Kế hoạch kinh doanh – Xuất nhập khẩu, Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
 - + 06/2004 - 12/2005: Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh - Xuất nhập khẩu, Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
 - + 01/2005 - 12/2007: Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh - Xuất nhập khẩu, Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
 - + 01/2008 - 06/2010: Phó giám đốc kiêm trưởng phòng xuất nhập khẩu Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu Kiên Giang.
 - + 07/2010 - 03/2011: Phó giám đốc kiêm trưởng phòng kế hoạch kinh doanh - xuất nhập khẩu Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu Kiên Giang.
 - + 04/2011 - 02/2016: Phó giám đốc Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu Kiên Giang.
 - + 03/2016 - 06/2016: Giám đốc Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
 - + 07/2016 – 10/05/2018: Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
 - + 07/2016 đến nay: Người đại diện vốn của Tổng công ty lương thực miền Nam – Công ty Cổ phần tại Công ty.
 - + 11/05/2018 đến nay: Phó TGD Tổng công ty lương thực Miền Nam, Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
 - + 11/05/2018 – 15/03/2022: Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
 - + 09/2018 – 22/10/2021: Thành viên HĐQT Tổng công ty lương thực Miền Nam-CTCP.
 - + 15/03/2022 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Phó TGD Tổng công ty Lương thực miền Nam
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 7.880.264 cổ phần, chiếm 30,99% vốn điều lệ, trong đó bao gồm:
 - + Cá nhân sở hữu: 251.600 cổ phần, chiếm 0,99% vốn điều lệ.
 - + Đại diện sở hữu: 7.628.644 cổ phần, chiếm 30% vốn điều lệ (đại diện cho Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần).
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành phần và cơ cấu HĐQT

ÔNG MAI THÀNH CÔNG

Phó Chủ tịch HĐQT

- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
- Quá trình công tác:
 - + Từ tháng 01/2002 - 14/06/2010: Nhân viên Xí nghiệp Chế biến Lương thực xuất khẩu Tân Phú, đơn vị trực thuộc Công ty TNHH MTV XNK Kiên Giang.
 - + Từ ngày 15/06/2010-03/2011: Nhân viên Phòng Kế hoạch Kinh doanh Xuất nhập khẩu Công ty TNHH MTV XNK Kiên Giang.
 - + Từ tháng 04/2011 - 01/2012: Phó phòng Kế hoạch Kinh doanh Xuất nhập khẩu Công ty TNHH MTV XNK Kiên Giang.
 - + Từ tháng 02/2012 - 23/11/2015: Phó giám đốc Xí nghiệp Chế biến Lương thực xuất khẩu Tân Phú, đơn vị trực thuộc Công ty TNHH MTV XNK Kiên Giang.
 - + Từ ngày 24/11/2015 - 30/06/2016: Quyền Giám đốc Xí nghiệp Chế biến Lương thực xuất khẩu Sơn Thuận, đơn vị trực thuộc Công ty TNHH MTV XNK Kiên Giang.
 - + Từ tháng 07/2016 - 03/01/2022: Giám đốc Xí nghiệp Chế biến Lương thực xuất khẩu Sơn Thuận, đơn vị trực thuộc Công ty cổ phần XNK Kiên Giang.
 - + Từ ngày 04/01/2022-21/6/2022: Phó Trưởng Ban Kinh doanh xuất nhập khẩu Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần.
 - + Từ ngày 24/6/2021 - 27/4/2023: Người đại diện phần vốn của Tổng công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bao bì Tiền Giang không chuyên trách.
 - + Từ ngày 22/6/2022 -01/12/2023: Phó Trưởng Ban Kinh doanh Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần.
 - + 01/12/2023 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang, Phó Trưởng Ban Kinh doanh Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần.
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Phó Trưởng Ban kinh doanh Tổng Công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 5.090.776 cổ phần, chiếm 20,02% vốn điều lệ, trong đó gồm:
 - + Cá nhân sở hữu: 5.000 cổ phần, chiếm 0,02% vốn điều lệ.
 - + Đại diện sở hữu: 5.085.776 cổ phần, chiếm 20,00% vốn điều lệ (đại diện cho Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần).
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

BÀ DƯƠNG THỊ THANH NGUYỆT

Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD

Xem lại lý lịch Ban điều hành

ÔNG PHẠM MINH TRUNG

Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD

Xem lại lý lịch Ban điều hành

BÀ TRẦN TÚ KHANH

Thành viên HĐQT

- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Đại học Quản trị khách sạn & Du lịch
- Quá trình công tác:
 - + Từ 01/2005 đến 01/2007: Nhân viên phòng Tổ chức hành chính Công ty TNHH MTV XNK Kiên Giang (nay là CTCP XNK Kiên Giang).
 - + Từ 01/2007 đến 08/2012: Nhân viên phòng Kế hoạch kinh doanh - Xuất nhập khẩu Công ty TNHH MTV XNK Kiên Giang (nay là CTCP XNK Kiên Giang).
 - + Từ 09/2012 đến 02/2014: Phó trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh - Xuất nhập khẩu Công ty TNHH MTV XNK Kiên Giang (nay là CTCP XNK Kiên Giang).
 - + Từ 03/2014 đến 09/2023: Phó trưởng phòng Xuất nhập khẩu Công ty CP XNK Kiên Giang.
 - + Từ tháng 10/2023 đến nay: Trưởng phòng Xuất nhập khẩu CTCP XNK Kiên Gia.
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng phòng Xuất nhập khẩu
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 8.600 cổ phần, chiếm 0,03% vốn điều lệ, trong đó gồm:
 - + Cá nhân sở hữu: 8.600 cổ phần, chiếm 0,03% vốn điều lệ.
 - + Đại diện sở hữu: 0
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:

STT	Tên người có liên quan	Quan hệ với người nội bộ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ CP sở hữu
1	Nguyễn Trường Giang	Chồng	8.600 cổ phần	0,03% vốn điều lệ

Những thay đổi trong Hội đồng quản trị năm 2024:

STT	Họ và tên	Chức vụ trước khi bổ nhiệm/ miễn nhiệm	Chức vụ sau khi bổ nhiệm/ miễn nhiệm	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Bà Trần Tú Khanh	Trưởng phòng Xuất nhập khẩu	Thành viên HĐQT, Trưởng phòng XNK	15/4/2024	-
2	Ông Đặng Quốc Việt	Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	15/4/2024

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị Không có

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị thực hiện giám sát đối với Ban Tổng giám đốc công ty trong việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, các nghị quyết, quyết định của HĐQT chỉ đạo về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2024, thông qua chế độ báo cáo thường xuyên và đột xuất. Trong quá trình điều hành Ban Tổng giám đốc đã tuân thủ theo đúng Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, các quy chế quản lý nội bộ hiện hành của Công ty và quy định của pháp luật.

Việc giám sát của Hội đồng quản trị được thực hiện theo nguyên tắc trung thực, cẩn trọng, khách quan, trực tiếp phê duyệt, có ý kiến chỉ đạo đối các nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Ban Tổng giám đốc chủ động, nhạy bén, kịp thời ứng phó với những diễn biến phức tạp của thị trường trong nước và thế giới, xây dựng và điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với từng thời điểm, nhằm giảm thiểu rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Trong năm 2024, Hội đồng quản trị đã thực hiện giám sát Ban Tổng giám đốc thực hiện các công việc sau:

- Giám sát thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.
- Tập trung chỉ đạo ban điều hành tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát năng cao hiệu quả chỉ đạo của ban điều hành trong hoạt động SXKD của công ty.
- Tiếp tục chỉ đạo công tác kinh doanh xuất nhập khẩu.
- Giám sát việc thực hiện công bố thông tin định kỳ, bất thường và theo yêu cầu theo đúng quy định.

Ban Tổng giám đốc công ty đã tổ chức thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ, nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Điều lệ Công ty, các quy định, các quy chế quản lý nội bộ của công ty, thường xuyên bám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư, các nghị quyết, quyết định, chủ trương của Hội đồng quản trị Công ty để triển khai thực hiện và đề ra các giải pháp thực hiện phù hợp với tình hình thực tế, diễn biến của thị trường và khả năng của công ty.

Số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Bạch Ngọc Văn	Chủ tịch HĐQT (Thành viên HĐQT Không điều hành)	21/21	100%	
2	Bà Dương Thị Thanh Nguyệt	PCT TT HĐQT (Thành viên HĐQT điều hành)	21/21	100%	
3	Ông Mai Thành Công	Phó Chủ tịch HĐQT (Thành viên HĐQT Không điều hành)	20/21	95,24%	Bận đi công tác
4	Ông Phạm Minh Trung	Thành viên HĐQT (Thành viên HĐQT điều hành)	21/21	100%	
5	Bà Trần Tú Khanh	Thành viên HĐQT (Thành viên HĐQT Không điều hành)	16/21	76,19%	Mới bổ nhiệm từ ngày 15/4/2024
6	Ông Đặng Quốc Việt	Thành viên HĐQT (Thành viên HĐQT điều hành)	02/21	9,52%	Đã miễn nhiệm từ ngày 15/4/2024

Nội dung và kết quả của các cuộc họp

Trong năm 2024, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức 21 cuộc họp trực tiếp. Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	02/NQ-XNK-HĐQT	02/02/2024	Về việc Phê duyệt hạn mức vay vốn tăng thêm tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang
2	07/NQ-XNK-HĐQT	16/02/2024	Về việc Lập danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024
3	24/NQ-XNK-HĐQT	28/02/2024	Về việc ký kết hợp đồng mua bán bao bì với đơn vị cung ứng là Công ty Cổ phần Xây lắp - Cơ khí Lương thực Thực phẩm
4	47/NQ-XNK-HĐQT	01/03/2024	V/v phê duyệt chủ trương luân chuyển cán bộ tại các đơn vị; rà soát các quy định, quy chế công ty; công tác đào tạo cán bộ chủ chốt
5	16/NQ-XNK-HĐQT	16/03/2024	Về việc nâng cao, năng lực quản trị, Quản lý công ty và tăng cường kiểm soát rủi ro trong kinh doanh, tài chính

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Nội dung và kết quả của các cuộc họp

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
6	28/NQ-XNK-HĐQT	26/03/2024	Về việc phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2024 tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh
7	26/NQ-XNK-HĐQT	30/03/2024	Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư trước một số hạng mục phục vụ sản xuất năm 2024 tại các Xí nghiệp trực thuộc
8	17/NQ-XNK-HĐQT	01/04/2024	Về việc thay đổi thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang
9	22/NQ-XNK-HĐQT	01/04/2024	Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư lắp đặt thiết bị các trụ bơm xuất hóa đơn điện tử tại các Cửa hàng xăng dầu thuộc XN KDXD An Bình
10	44/NQ-XNK-HĐQT	12/04/2024	Về việc phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2024 tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ
11	41/NQ-XNK-HĐQT	15/04/2024	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang
12	49/NQ-XNK-HĐQT	03/05/2024	V/v phê duyệt các chủ trương trong công tác quản lý, điều hành Công ty
13	54/NQ-XNK-HĐQT	10/05/2024	Về việc phê duyệt chủ trương, sửa chữa, cải tạo Cùm kho Xí nghiệp CBLT Xuất khẩu Vĩnh Thẳng
14	56/NQ-XNK-HĐQT	11/05/2024	V/v phê duyệt các chủ trương trong công tác quản lý, điều hành Công ty
15	62/NQ-XNK-HĐQT	15/05/2024	Về việc phê duyệt hạn mức tín dụng Ngân hàng TMCP Quốc tế - Chi nhánh Cần Thơ
16	63/NQ-XNK-HĐQT	15/05/2024	Về việc chi trả cổ tức bằng tiền mặt năm 2023 của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang
17	64/NQ-XNK-HĐQT	15/05/2024	Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2024

Nội dung và kết quả của các cuộc họp

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
18	67/NQ-XNK-HĐQT	23/05/2024	Về việc phê duyệt hạn mức công nợ đối với khách hàng mua xăng dầu thanh toán trả chậm
19	73/NQ-XNK-HĐQT	24/06/2024	Về việc phê duyệt hạn mức tín dụng 2024 tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Kiên Giang
20	75/NQ-XNK-HĐQT	24/06/2024	Về việc phê duyệt chủ trương sửa chữa hai tàu thu mua cá cơm tươi KG-95304TS và KG-93809TS của Xí nghiệp CB Cá Cơm Hòn Chông
21	77/NQ-XNK-HĐQT	24/06/2024	Về việc phê duyệt hạn mức tín dụng 2024 thế chấp tài sản tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Quốc
22	88/NQ-XNK-HĐQT	20/08/2024	Nghị quyết Về việc phê duyệt kế hoạch sửa chữa lớn năm 2024 của Công ty
23	98/NQ-XNK-HĐQT	12/09/2024	Nghị quyết Về việc xin phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2024 thế chấp tài sản tại Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn
24	100/NQ-XNK-HĐQT	12/09/2024	Quyết định V/v phân công của các thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang
25	102/NQ-XNK-HĐQT	27/09/2024	Nghị quyết V/v phê duyệt chủ trương trong công tác quản lý thu mua, sản xuất chế biến của các Xí nghiệp lương thực trực thuộc Công ty
26	108/NQ-XNK-HĐQT	12/10/2024	Nghị quyết V/v phê duyệt chủ trương trong công tác quản lý, điều hành Công ty
27	112/NQ-XNK-HĐQT	08/11/2024	Về việc xin phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2024 tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Cần Thơ
28	114/NQ-XNK-HĐQT	08/11/2024	Về việc xin phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2024 tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở miền Nam (VPBank)
29	116/NQ-XNK-HĐQT	08/11/2024	Về việc xin phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2024 tại Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát triển - Chi nhánh Cần Thơ (PGBank)
30	122/NQ-XNK-HĐQT	27/12/2024	V/v xin chủ trương nâng cấp và cải hoán tàu thu mua KG-94312TS
31	124/NQ-XNK-HĐQT	27/12/2024	V/v phê duyệt chủ trương huy động vốn, thế chấp tài sản phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2025

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Công ty không có Hội đồng quản trị độc lập.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Hiện nay, toàn bộ các thành viên trong Hội đồng quản trị của Kigimex đều có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản trị doanh nghiệp. Bên cạnh đó, Công ty cũng luôn tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý khác tham gia các khóa huấn luyện, đào tạo, các buổi hội thảo, đối thoại do các Sở, Ngành, VSDC và các đơn vị chuyên môn tổ chức.

BAN KIỂM SOÁT

Thành phần và cơ cấu Ban Kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Cá nhân sở hữu		Đại diện sở hữu	
			Cá nhân sở hữu	Đại diện sở hữu	Cá nhân sở hữu	Đại diện sở hữu
1	Bà Trần Thị Mai Trinh	Trưởng ban	1.500	0,006%	-	-
2	Bà Trần Thị Phương Lan	Thành viên	0	0,00%	-	-
3	Ông Trần Công Lý	Thành viên	0	0,00%	-	-



BÀ TRẦN THỊ MAI TRINH

Trưởng ban kiểm soát

- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Đại học Kinh tế ngành Tài chính kế toán
- Quá trình công tác:
 - + 1995 - 04/2001 : Nhân viên kế toán trạm Sức khỏe tâm thần Kiên Giang.
 - + 05/2001 - 03/2011: Nhân viên Phòng Kế hoạch Kinh doanh Xuất nhập khẩu, Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
 - + 04/2011 - 08/2011: Phó Phòng Kế hoạch Kinh doanh - Xuất nhập khẩu, Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
 - + 09/2011 - 06/2016: Kiểm soát viên của Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
 - + 07/2016 đến nay Trưởng Ban Kiểm soát của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Trưởng ban kiểm soát
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 1.500 cổ phần, chiếm 0,006% vốn điều lệ, trong đó gồm:
 - + Cá nhân sở hữu: 1.500 cổ phần, chiếm 0,006% vốn điều lệ.
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

BÀ TRẦN THỊ PHƯƠNG LAN

Thành viên ban kiểm soát

- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh
- Quá trình công tác:
 - + Từ tháng 12/2007 - 04/2013: chuyên viên phòng Tài chính Kế toán Công ty Bột mì Bình Đông
 - + Từ tháng 05/2013-03/2015: Phó phòng Tài chính Kế toán Công ty Bột mì Bình Đông.
 - + Từ tháng 12/2016 - 23/01/2019: Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán Tổng công ty Lương thực miền Nam.
 - + Từ ngày 24/01/2019-21/07/2020: Chuyên viên Ban Tài chính – Kế toán Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần.
 - + Từ ngày 22/07/2020-09/12/2021: Chuyên viên Ban Kế toán Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần.
 - + Từ ngày 10/12/2021 – 28/03/2023: Chuyên viên Ban Tài chính – Kế toán Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần.
 - + 28/03/2003 đến nay: Thành viên Ban Kiểm soát, Chuyên viên Ban Tài chính – Kế toán Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần.
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên ban kiểm soát
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

BAN KIỂM SOÁT

Thành phần và cơ cấu Ban Kiểm soát

ÔNG TRẦN CÔNG LÝ

Thành viên ban kiểm soát

- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính kế toán
- Quá trình công tác:
 - + Từ 05/2001 đến 01/2002: Nhân viên phòng Kế hoạch kinh doanh Công ty TNHH MTV XNK Kiên Giang (nay là CTCP XNK Kiên Giang).
 - + Từ 02/2002 đến 05/2004: Nhân viên Kế toán Xí nghiệp CBLT XK Giồng Riềng trực thuộc Công ty TNHH MTV XNK Kiên Giang (nay là CTCP XNK Kiên Giang).
 - + Từ 06/2004 đến 01/2006: Tổ trưởng Kế toán Xí nghiệp CBLT XK Giồng Riềng trực thuộc Công ty TNHH MTV XNK Kiên Giang (nay là CTCP XNK Kiên Giang).
 - + Từ 02/2006 đến 04/2007: Phó trưởng phòng Tài chính kế toán Công ty TNHH MTV XNK Kiên Giang (nay là CTCP XNK Kiên Giang).
 - + Từ 05/2007 đến 06/2010: Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV XNK Kiên Giang (nay là CTCP XNK Kiên Giang).
 - + Từ 07/2010 đến 05/2011: Nhân viên phòng Tổ chức hành chính, phòng Kỹ thuật đầu tư Công ty TNHH MTV XNK Kiên Giang (nay là CTCP XNK Kiên Giang).
 - + Từ 06/2011 đến 02/2012: Tổ trưởng Kế toán Xí nghiệp CBLT XK Sơn Thuận trực thuộc Công ty TNHH MTV XNK Kiên Giang (nay là CTCP XNK Kiên Giang).
 - + Từ tháng 03/2012 đến nay: Trưởng phòng Tổ chức hành chính Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên ban kiểm soát kiêm Trưởng phòng Tổ chức hành chính
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: Không có.
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có.

Hoạt động của Ban Kiểm soát

Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông

- ĐHĐCĐ thường niên và các phiên họp của HĐQT có sự tham gia của Ban kiểm soát để tham gia ý kiến thảo luận, báo cáo việc kiểm soát các hoạt động của Công ty để đề xuất với HĐQT.
- Ban kiểm soát đã tiến hành các kiểm tra giám sát định kỳ đối với Ban điều hành Công ty.
- Thực hiện thẩm định báo cáo tài chính năm 2023, báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2024 theo đúng quy định pháp luật.
- Đề xuất Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông lựa chọn thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty theo đúng trình tự quy định.
- Giám sát việc Công ty thực hiện công bố thông tin đúng theo quy định.

Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác

- Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ, rõ ràng các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành có liên quan đến hoạt động SXKD, công tác quản trị và một số nội dung khác có liên quan phục vụ cho việc kiểm soát của Ban kiểm soát.
- Ban kiểm soát phối hợp chặt chẽ với HĐQT trong các phiên họp HĐQT đều có tham gia ý kiến đóng góp, báo cáo về công tác kiểm soát.
- Ban kiểm soát phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành, ban chuyên quản nội bộ công ty trong việc kiểm tra, kiểm soát định kỳ. Ban điều hành tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát hoạt động thông qua việc cung cấp thông tin, hồ sơ, chứng từ.



BAN KIỂM SOÁT (tiếp theo)

Số lượng cuộc họp

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Bà Trần Thị Mai Trinh	Trưởng BKS	2/2	100%
2	Ông Nguyễn Trường Giang	Thành viên BKS	Đã miễn nhiệm kể từ ngày 15/4/2024	
3	Bà Trần Thị Phương Lan	Thành viên BKS	2/2	100%
4	Ông Trần Công Lý	Thành viên BKS	2/2	100%

Ban Kiểm soát đã tổ chức 02 phiên họp. Nội dung cụ thể các phiên họp được ban hành tương ứng như sau:

STT	Ngày	Nội dung
1	16/4/2024	Phân công nhiệm vụ từng thành viên BKS Triển khai hoạt động của BKS năm 2024
2	31/12/2024	Thông qua kế hoạch kiểm tra định kỳ năm 2025 và phân công nhiệm vụ năm 2025



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tổng lương
I Hội đồng quản trị và người quản lý khác			
1	Ông Bạch Ngọc Văn	Chủ tịch HĐQT	120.000.000
2	Bà Dương Thị Thanh Nguyệt	Phó Chủ tịch HĐQT thường trực kiêm TGD	108.000.000
3	Ông Mai Thành Công	Phó Chủ tịch HĐQT	96.000.000
4	Ông Phạm Minh Trung	Thành viên HĐQT, kiêm Phó TGD	84.000.000
5	Ông Đặng Quốc Việt	Thành viên HĐQT (Đến ngày 15/4/2024)	24.500.000
5	Bà Trần Tú Khanh	Thành viên HĐQT (Từ ngày 15/4/2024)	59.500.000
5	Ông Trần Công Lý	Thư ký Công ty (Đến ngày 06/5/2024)	16.000.000
5	Ông Nguyễn Thanh Tiến	Thư ký Công ty (Từ ngày 06/5/2024)	32.000.000
II Thành viên Ban kiểm soát			
1	Bà Trần Thị Mai Trinh	Trưởng Ban Kiểm soát	-
2	Ông Nguyễn Trường Giang	Thành viên Ban Kiểm soát (Đến ngày 15/4/2024)	14.000.000
3	Bà Trần Thị Phương Lan	Thành viên Ban Kiểm soát	48.000.000
5	Ông Trần Công Lý	Thành viên Ban Kiểm soát (Từ ngày 15/4/2024)	34.000.000
III Thu nhập từ việc quản lý chuyên trách của các TVHĐQT và TVBKS chuyên trách, Ban TGD			
1	Ông Bạch Ngọc Văn	Chủ tịch HĐQT	234.788.000
2	Ông Đoàn Huỳnh Dũng	Nguyên Phó Chủ tịch HĐQT	54.340.000
3	Ông Mai Thành Công	Phó Chủ tịch HĐQT	130.603.200
4	Bà Trần Thị Mai Trinh	Trưởng Ban Kiểm soát	501.814.000
5	Bà Dương Thị Thanh Nguyệt	Phó Chủ tịch HĐQT thường trực kiêm TGD	688.176.000
6	Ông Phạm Minh Trung	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	501.814.000
7	Nguyễn Mai Thái Sơn	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 05/7/2024)	194.694.000

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT (tiếp theo)

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

Không có

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ và người có liên quan

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

Các giao dịch này được thông qua theo Nghị quyết số 41/NQ-XNK-ĐHĐCĐ ngày 15/4/2024 của Đại hội đồng cổ đông Kigimex, thông tin chi tiết giao dịch trong năm như sau:

Tên tổ chức/cá nhân	Tính chất giao dịch	Tính chất giao dịch	Giá trị (đồng)
Tổng công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần	Công ty mẹ	Mua hàng hóa	50.039.000.000
		Mua tài sản cố định	1.578.310.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm	Cùng Công ty mẹ	Mua hàng hóa, vật tư	3.163.415.000
		Chi phí sửa chữa tài sản	4.935.664.000
Công ty Lương thực Long An	Chi nhánh của Công ty mẹ	Mua hàng hóa	405.540.000
Công ty Lương thực Tiền Giang	Chi nhánh của Công ty mẹ	Mua hàng hóa	2.970.000.000
Tổng công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần	Công ty mẹ	Phí giao nhận, ủy thác, phí làm hàng	1.569.342.931
Công ty Lương thực Tiền Giang	Chi nhánh của Công ty mẹ	Dịch vụ khác	41.666.664
Tổng công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần	Công ty mẹ	Bán hàng ủy thác	276.827.966.100

Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: không có

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Là doanh nghiệp đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX), Kigimex tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật về quản trị công ty, đảm bảo minh bạch, hiệu quả và phát triển bền vững. Công ty thực hiện đầy đủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và cập nhật kịp thời các quy định mới từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, HNX và các cơ quan chức năng nhằm nâng cao chất lượng quản trị. Trong năm 2024, Kigimex đã xây dựng lộ trình tuân thủ Thông tư 68/2024/TT-BTC về công bố thông tin song ngữ, đồng thời thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo Thông tư 96/2020/TT-BTC. Bên cạnh tuân thủ pháp luật, Kigimex tập trung nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp bằng cách tham gia các hội thảo và chương trình đào tạo do UBCKNN và HNX tổ chức, cập nhật xu hướng quản trị tiên tiến. Đội ngũ lãnh đạo được đào tạo về quản trị công ty, huy động vốn, xử lý vi phạm hành chính, lập báo cáo tài chính và quản trị rủi ro. Công ty duy trì họp định kỳ giữa Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm soát và Ban Điều hành để đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh, kiểm soát tài chính và điều chỉnh chiến lược phát triển phù hợp. Đồng thời, Kigimex đảm bảo công khai minh bạch thông tin đến cổ đông và nhà đầu tư, thực hiện đầy đủ quyền lợi cổ đông như tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên và chi trả cổ tức đúng hạn. Việc tuân thủ chặt chẽ các quy định không chỉ giúp Kigimex nâng cao chất lượng quản lý, mà còn tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững. Công ty cam kết tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị theo các chuẩn mực quốc tế, tăng cường minh bạch, tối ưu hiệu quả hoạt động và nâng cao giá trị doanh nghiệp, hướng đến tăng trưởng dài hạn và phát triển bền vững.





BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2024

Ý KIẾN KIỂM TOÁN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG
Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BẢO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang (gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở chuyển từ Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Kiên Giang thuộc Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Lương thực Miền Nam (nay là Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần) thành công ty cổ phần theo Quyết định số 11/QĐ-HĐTV ngày 16/01/2015 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Lương thực Miền Nam về việc tiến hành cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Kiên Giang. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 1700100989 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp lần đầu ngày 07/11/2005, các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là lần thứ 21 ngày 28/3/2023 về việc cập nhật thông tin căn cước công dân của người đại diện theo pháp luật.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: KIEN GIANG IMPORT & EXPORT JOINT STOCK COMPANY.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700100989 thay đổi lần thứ 21 ngày 28/3/2023 là 254.300.000.000 VND (Bằng chữ: Hai trăm năm mươi bốn tỷ, ba trăm triệu đồng chẵn).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được giao dịch trên Sàn UpCOM. Mã giao dịch: KGM.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Bạch Ngọc Văn	Chủ tịch
Bà Dương Thị Thanh Nguyệt	Phó Chủ tịch thường trực
Ông Mai Thành Công	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Minh Trung	Thành viên
Ông Đặng Quốc Việt	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 15/4/2024)
Bà Trần Tú Khanh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 15/4/2024)

BAN KIỂM SOÁT

Bà Trần Thị Mai Trinh	Trưởng ban
Ông Nguyễn Trường Giang	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 15/4/2024)
Ông Trần Công Lý	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 15/4/2024)
Bà Trần Thị Phương Lan	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Bà Dương Thị Thanh Nguyệt	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Minh Trung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mai Thái Sơn	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 05/7/2024)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào khác xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG
Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BẢO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Dương Thị Thanh Nguyệt
Tổng Giám đốc
Kiên Giang, ngày 10 tháng 01 năm 2025

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
 Trụ sở chính TP. Hà Nội:
 Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building,
 Số 235 Nguyễn Trãi, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội.
 ☎ +84 (24) 3 783 2121 ✉ info@cpavietnam.vn
 ☎ +84 (24) 3 783 2122 🌐 www.cpavietnam.vn



Số: 77/2025/BCKT-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang, được lập ngày 10/01/2025, từ trang 06 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Thị Mai Hoa
Phó Tổng Giám đốc
 Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1
 Giấy Ủy quyền số: 08/2025/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2025 của Chủ tịch HĐQT
 Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT
 Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2025

Lê Thanh Tùng Lâm
Kiểm toán viên
 Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5475-2021-137-1

170,
IG T
PH
IÁP
GIA
TINH
3 T
HH
TO
TN
NƠ

170,
Y
N
KH
NG
I KH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		853.900.016.529	865.550.848.824
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	22.096.855.325	149.461.474.363
1. Tiền	111		22.096.855.325	149.461.474.363
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		258.633.275.627	169.424.798.654
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	258.082.778.045	166.422.930.654
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	704.341.990	2.334.968.659
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	288.002.276	1.126.350.025
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(441.846.684)	(459.450.684)
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	525.106.170.194	492.183.119.332
1. Hàng tồn kho	141		534.818.676.296	525.119.202.134
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(9.712.506.102)	(32.936.082.802)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		48.063.715.383	54.481.456.475
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	1.756.461.002	1.324.636.590
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		46.307.134.381	53.069.423.709
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.12	120.000	87.396.176
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		182.431.144.099	191.639.243.344
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		75.000.000	75.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	75.000.000	75.000.000
II. Tài sản cố định	220		122.264.005.102	133.718.295.071
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	122.264.005.102	133.718.295.071
- Nguyên giá	222		464.335.338.912	460.629.560.972
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(342.071.333.810)	(326.911.265.901)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.153.188.307	1.356.388.307
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	2.153.188.307	1.356.388.307
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		57.938.950.690	56.489.559.966
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	57.938.950.690	56.489.559.966
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		1.036.331.160.628	1.057.190.092.168

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		771.229.517.139	786.136.585.621
I. Nợ ngắn hạn	310		769.379.417.139	783.100.388.880
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	19.218.399.630	343.853.871.958
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	6.912.098.944	13.718.429.736
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	7.325.080.790	5.943.542.676
4. Phải trả người lao động	314		10.603.939.062	9.020.990.609
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	19.989.653.148	19.994.671.686
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	614.028.500	642.686.249
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	690.222.039.497	380.428.915.900
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		12.471.000.000	7.500.000.000
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		2.023.177.568	1.997.280.066
II. Nợ dài hạn	330		1.850.100.000	3.036.196.741
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.15	1.850.100.000	3.036.196.741
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		265.101.643.489	271.053.506.547
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.16	265.101.643.489	271.053.506.547
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		254.300.000.000	254.300.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		254.300.000.000	254.300.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.460.090.397	4.209.733.538
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.341.553.092	12.543.773.009
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		107.684.290	40.204.417
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.233.868.802	12.503.568.592
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		1.036.331.160.628	1.057.190.092.168

Người lập biểu

Nguyễn Thị Chúc Hà

Kế toán trưởng

Trần Thị Diệp

Tổng Giám đốc



Dương Thị Thanh Nguyệt

Kiên Giang, ngày 10 tháng 01 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	7.403.990.025.919	7.282.204.058.373
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.009.800.000	14.352.000.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		7.402.980.225.919	7.267.852.058.373
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	6.773.860.280.371	6.585.983.917.770
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		629.119.945.548	681.868.140.603
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	51.122.962.796	60.324.729.415
7. Chi phí tài chính	22	6.4	97.339.539.203	107.872.083.791
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		60.402.468.567	58.242.141.651
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	501.457.340.414	528.093.904.820
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	66.375.424.813	65.463.271.279
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		15.070.603.914	40.763.610.128
11. Thu nhập khác	31	6.7	486.253.199	2.519.162.739
12. Chi phí khác	32	6.7	298.787.696	22.257.678.503
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.7	187.465.503	(19.738.515.764)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		15.258.069.417	21.025.094.364
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	10.024.200.615	8.521.525.772
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		5.233.868.802	12.503.568.592
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	206	427

Kiên Giang, ngày 10 tháng 01 năm 2025

Người lập biểu

Nguyễn Thị Chúc Hà

Kế toán trưởng

Trần Thị Diệp

Tổng Giám đốc

Dương Thị Thanh Nguyệt



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		15.258.069.417	21.025.094.364
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		15.160.067.909	15.659.449.778
- Các khoản dự phòng	03		(18.270.180.700)	19.815.981.751
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		6.651.392.244	375.012.258
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(149.161.036)	(3.626.940.801)
- Chi phí lãi vay	06		60.402.468.567	58.242.141.651
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		79.052.656.401	111.490.739.001
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(82.018.938.652)	(86.896.649.707)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(9.699.474.162)	(310.529.743.759)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(330.174.860.250)	270.307.435.677
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.881.215.136)	348.279.233
- Tiền lãi vay đã trả	14		(60.149.107.174)	(58.651.194.792)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(8.713.694.598)	(6.657.438.937)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		20.900.000	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.544.484.358)	(1.044.214.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(415.108.217.929)	(81.632.787.284)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.502.577.940)	(4.559.806.511)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		149.161.036	3.780.803.815
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.353.416.904)	(779.002.696)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		6.289.003.648.153	5.944.940.420.782
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(5.987.378.153.297)	(6.181.239.521.929)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(9.536.250.000)	(5.086.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		292.089.244.856	(241.385.101.147)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(127.372.389.977)	(323.796.891.127)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		149.461.474.363	473.315.910.679
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		7.770.939	(57.545.189)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	22.096.855.325	149.461.474.363

Kiên Giang, ngày 10 tháng 01 năm 2025

Người lập biểu

Nguyễn Thị Chúc Hà

Kế toán trưởng

Trần Thị Diệp

Tổng Giám đốc

Dương Thị Thanh Nguyệt



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc
Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang được thành lập trên cơ sở chuyển từ Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Kiên Giang thuộc Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Lương thực Miền Nam (nay là Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần) thành công ty cổ phần theo Quyết định số 11/QĐ-HĐTV ngày 16/01/2015 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Lương thực Miền Nam về việc tiến hành cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Kiên Giang. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 1700100989 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp lần đầu ngày 07/11/2005, các Giấy phép thay đổi gần đây nhất là lần thứ 21 ngày 28/3/2023 về việc cập nhật thông tin căn cước công dân của người đại diện theo pháp luật.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: KIEN GIANG IMPORT & EXPORT JOINT STOCK COMPANY.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700100989 thay đổi lần thứ 21 ngày 28/3/2023 là 254.300.000.000 VND (Bằng chữ: Hai trăm năm mươi bốn tỷ, ba trăm triệu đồng chẵn).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được giao dịch trên Sàn UpCOM. Mã giao dịch: KGM.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 270 người (tại ngày 31/12/2023 là 254 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Trồng lúa;
- Trồng cây lâu năm khác;
- Xay sát và sản xuất bột thô;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: - Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan (không kinh doanh tại trụ sở công ty) - Kinh doanh củi trấu;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn xi măng;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp;
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột (mì, miến đóng gói,...); thực phẩm khác (cá đóng hộp, cà phê đóng gói, cà phê sữa, sữa milo, dầu ăn, nước mắm, nước tương, tương ớt, hạt nêm, trà,...); thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ bia, nước ngọt, trà xanh các loại, nước yến, nước tinh khiết đóng chai, sừng sâm, trái vải,...;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm liên quan (không kinh doanh tại trụ sở công ty);
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh (bông giấy vệ sinh, tã, nước tẩy, xà bông bột, nước xả, nhang muỗi,...);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Bán buôn nông sản;
- Bán buôn gạo;

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc
Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Bán buôn thủy sản;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Sản xuất chế biến, kinh doanh các mặt hàng lương thực, cá cơm và kinh doanh xăng dầu.

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc của Công ty tại ngày 31/12/2024 bao gồm:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang - Xí nghiệp Chế biến lương thực xuất khẩu An Hòa	44 Ngô Thời Nhiệm, phường An Bình, tỉnh Kiên Giang
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang - Xí nghiệp Chế biến lương thực Xuất khẩu Tân Phú	Ấp Tân Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang - Xí nghiệp Chế biến lương thực Xuất khẩu Thạnh Hưng	Ấp Thạnh Trung, xã Thạnh Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang - Xí nghiệp Chế biến lương thực Xuất khẩu Vĩnh Thắng	Tổ 4, ấp Vĩnh Tiến, xã Vĩnh Thắng, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang - Xí nghiệp Chế biến lương thực Xuất khẩu Sơn Thuận	Ấp Vàm Răng, xã Sơn Kiên, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang - Xí nghiệp Chế biến Cá Cơm Hòn Chông	Xã Bình An, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang - Xí nghiệp Kinh Doanh Xăng Dầu An Bình	44 Ngô Thời Nhiệm, phường An Bình, tỉnh Kiên Giang

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

4. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ giao dịch phát sinh tại các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc và văn phòng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và Ngân hàng thương mại cổ phần;
- Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của Ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của Ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán (Tiếp theo)

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, nợ phải thu...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại cổ phần nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày 31/12/2024.

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Thương mại cổ phần nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày 31/12/2024.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 10

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANGSố 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc
Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)**

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Thuê hoạt động

Các khoản thuê hoạt động của Công ty bao gồm thuê mặt bằng để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ, bao bì chờ phân bổ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản

Các khoản chi phí sửa chữa tài sản được Công ty phân loại thành sửa chữa nhỏ và sửa chữa lớn. Các khoản chi phí này được phân bổ dần vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian tối đa 12 tháng (đối với chi phí sửa chữa nhỏ) và tối đa 36 tháng (đối với chi phí sửa chữa lớn).

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ tương đương với thời gian hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm liên quan.

Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm các khoản trả trước để thuê đất, trong đó bao gồm cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định vô hình và các chi phí khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận và phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của Hợp đồng thuê đất tương ứng với thời gian từ 40-50 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANGSố 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc
Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả (Tiếp theo)**

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty (bao gồm cả các khoản phải trả cho Công ty mẹ, các bên liên quan của Công ty mẹ và đơn vị trong cùng Tổng Công ty);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau

- Chi phí lãi vay phải trả: trích trước dựa trên số dư nợ, lãi suất áp dụng và số ngày tính lãi, căn cứ trên hợp đồng vay.
- Các khoản chi phí dịch vụ mua ngoài khác: Được trích trước khi thực tế Công ty đã nhận được hàng hóa, dịch vụ liên quan, tuy nhiên chưa nhận được hóa đơn, giá trị trích trước được căn cứ vào hợp đồng, hoặc thỏa thuận giữa Công ty và nhà cung cấp.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay từ các Ngân hàng thương mại cổ phần.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Báo cáo tài chính sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty phê duyệt mức chia cổ tức.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm (các mặt hàng lương thực như lúa gạo, cá cơm và các mặt hàng xăng, dầu, dầu nhờn) và doanh thu cung cấp dịch vụ khác.

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Doanh thu bán hàng hóa (Tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm khoản giảm giá hàng bán, là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, lỗ chênh lệch tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ hoặc khi thanh toán nợ phải trả, hoặc thu hồi các khoản nợ phải thu.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ các khoản trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi và các khoản giảm khác đối với lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là Sản xuất chế biến, kinh doanh các mặt hàng lương thực, cá cơm và kinh doanh xăng dầu và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý là trong nước và nước ngoài. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực hoạt động kinh doanh và theo khu vực địa lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Tiền mặt	548.935.000	1.460.390.500
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	21.547.920.325	148.001.083.863
Tổng	22.096.855.325	149.461.474.363

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Sikakroabea Co.Ltd (i)	169.407.442.678	25.715.633.278
Dilai Trading Co PTE. Ltd	-	106.637.249.176
Three Hills Ghana Limited	22.408.875.553	-
Công ty Cổ phần Chế biến Xuất Nhập Khẩu Ngọc Thiên Hương	36.396.914.375	-
Các đối tượng khác	29.869.545.439	34.070.048.200
Tổng	258.082.778.045	166.422.930.654

- (i) Trong đó, Quyền đòi nợ (bao gồm số dư nợ phải thu khách hàng tại ngày 31/12/2024 là 59.430.287.860 VND) và lợi ích phát sinh từ các Hợp đồng bán gạo với khách hàng được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG
Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc
Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đức Tài Tiền Giang	-	356.500.000
Công ty Cổ phần Hoàng Minh Nhật	-	1.410.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Hân Phát Kiên Giang	356.878.253	-
Các đối tượng khác	347.463.737	568.468.659
Tổng	704.341.990	2.334.968.659

5.4 Phải thu khác

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
a) Ngắn hạn	288.002.276	(126.350.025)	1.126.350.025	(126.350.025)
Tạm ứng cho nhân viên	-	-	1.000.000.000	-
Các khoản khác	288.002.276	(126.350.025)	126.350.025	(126.350.025)
b) Dài hạn	75.000.000	-	75.000.000	-
Ký cược kỳ quỹ dài hạn	75.000.000	-	75.000.000	-
Tổng	363.002.276	(126.350.025)	1.201.350.025	(126.350.025)

5.5 Nợ xấu

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu khách hàng	199.757.000	-	199.757.000	-
Trả trước cho người bán	115.739.659	-	133.343.659	-
Phải thu khác	126.350.025	-	126.350.025	-
Tổng	441.846.684	-	459.450.684	-

Chi tiết thời gian quá hạn của các khoản phải nợ phải thu như sau:

	Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm VND	Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm VND	Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm VND	Quá hạn từ 03 năm trở lên VND
Công ty TNHH Mỹ Nghi - Nguyễn Ngọc Thảo	-	-	-	129.757.000
Công ty TNHH Tâm Hùng	-	-	-	70.000.000
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Duy Tân	-	-	-	65.739.659
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Bảo	-	-	-	50.000.000
Công ty TNHH Hoàng Mỹ	-	-	-	51.385.725
DNTN Mê Linh, An Giang	-	-	-	40.808.300
DNTN Út Hoàng (Lê Thị Hoàng)	-	-	-	34.156.000
Tổng	-	-	-	441.846.684

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG
Số 85 – 87 đường Lạc Hồng,
Phường Vĩnh Lạc
Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 – DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	4.131.353.482	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	68.963.353.520	(7.394.189.725)	188.322.808.980	(17.421.166.014)
Công cụ, dụng cụ	1.352.890.023	-	2.651.899.958	-
Thành phẩm	91.301.940.797	(2.306.973.340)	25.088.361.809	(1.820.616.788)
Hàng hóa	369.069.138.474	(11.343.037)	309.056.131.387	(13.694.300.000)
Tổng	534.818.676.296	(9.712.506.102)	525.119.202.134	(32.936.082.802)

(i) Giá trị hàng tồn kho, bao gồm nguyên liệu chính, thành phẩm và hàng hóa, luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang hình thành từ vốn vay được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng (Thuyết minh số 5.15) tại ngày 31/12/2024 là 523.564.645.215 VND (tại ngày 01/01/2024: 513.197.985.719 VND).

5.7 Chi phí trả trước

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
a) Ngắn hạn	1.756.461.002	1.324.636.590
Công cụ, dụng cụ, bao bì chờ phân bổ	764.471.102	517.972.050
Chi phí sửa chữa tài sản	837.177.931	409.089.735
Chi phí bảo hiểm	58.900.533	159.401.217
Chi phí bốc xếp, đồ hộp, gia công hàng chờ xuất	30.210.511	166.998.255
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	65.700.925	71.175.333
b) Dài hạn	57.938.950.690	56.489.559.966
Công cụ, dụng cụ, bao bì chờ phân bổ	1.405.145.779	692.548.118
Chi phí sửa chữa tài sản	10.677.670.667	8.926.460.934
Chi phí bảo hiểm	93.319.616	117.830.833
Tiền thuê đất trả trước (i)	45.423.103.391	46.674.598.487
Chi phí trả trước dài hạn khác	339.711.237	78.121.594
Tổng	59.695.411.692	57.814.196.556

(i) Tiền thuê đất trả trước trình bày giá trị còn lại của các quyền sử dụng đất có nguồn gốc từ đất giao có thu tiền sử dụng đất với thời gian thuê tối đa 50 năm. Theo các văn bản của Cục thuế tỉnh Kiên Giang, các lô đất này không phải trả tiền thuê đất trong khoản thời gian còn lại.

Tại ngày 31/12/2024, giá trị còn lại chưa phân bổ của các quyền sử dụng đất thuê để cấp bên trên đang được cầm cố, thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng là 43.865.976.020 VND (tại ngày 01/01/2024: 45.079.259.408 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

NGUYÊN GIÁ		Đơn vị tính: VND			
Số dư tại ngày 01/01/2024	Tăng trong năm	Mua trong năm	Giảm trong năm	Số dư tại ngày 31/12/2024	
227.794.301.937	-	-	-	227.794.301.937	
153.174.028.779	2.515.550.000	2.515.550.000	-	155.689.578.779	
106.906.378.764	6.719.280.738	6.719.280.738	-	113.625.659.502	
5.797.038.936	5.797.038.936	-	-	11.594.077.872	
5.797.038.936	-	-	-	5.797.038.936	
113.625.659.502	-	-	-	113.625.659.502	
46.267.650.015	42.063.919.277	-	-	88.331.569.292	
11.326.067.010	-	-	-	11.326.067.010	
88.604.937	-	-	-	88.604.937	
198.807.609	-	-	-	198.807.609	
28.221.355	-	-	-	28.221.355	
71.325.013	-	-	-	71.325.013	
133.718.295.071	-	-	-	133.718.295.071	
122.264.005.102	-	-	-	122.264.005.102	

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 95.934.132.817 VND (tại ngày 01/01/2024: 92.311.843.864 VND).
- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đang được cầm cố thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại ngày 31/12/2024 là 90.072.274.698 VND (tại ngày 01/01/2024: 98.146.916.052 VND).
- Nguyên giá của TSCĐ hữu hình chờ thanh lý tại ngày 31/12/2024 là 19.588.128.360 VND (tại ngày 01/01/2024: 4.857.843.108 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG
Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc
Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
a) Mua sắm	796.800.000	-
Mua tàu cá	796.800.000	-
b) Xây dựng cơ bản	1.356.388.307	1.356.388.307
Công trình mở rộng sân phơi, nhà ở công nhân tại Xí nghiệp Cá Cơm (i)	1.356.388.307	1.356.388.307
Tổng	2.153.188.307	1.356.388.307

(i) Chi phí đầu tư cho Công trình mở rộng sân phơi, nhà ở công nhân tại Xí nghiệp Cá Cơm bao gồm tiền chi để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chi phí tư vấn, và các khoản chi phí đầu tư khác. Ngày 20/6/2024, Công ty đã gửi văn bản số 21/TTr-XNK-KTĐT đến các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tại tỉnh Kiên Giang để đăng ký nhu cầu sử dụng đất thực hiện dự án mở rộng sân phơi cá cơm, nhà ở công nhân năm 2024, đồng thời, Công ty đã thực hiện ước tính nghĩa vụ thuế dự kiến phải nộp khi chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất sản xuất phi nông nghiệp. Tại ngày lập Báo cáo tài chính này, Công ty chưa nhận được phản hồi chính thức từ Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

5.10 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Siam Golden Rice Company Limited	-	-	95.042.640.000	95.042.640.000
Công ty Cổ phần Chế biến Xuất nhập khẩu Ngọc Thiên Hương	714.694.400	714.694.400	148.488.493.500	148.488.493.500
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Chế biến lương thực Thắng Lợi	2.830.000.000	2.830.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Chế biến Xuất khẩu Gạo Ngọc Hân Lê	2.654.509.000	2.654.509.000	79.195.000.000	79.195.000.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Ngọc Quang Phát	11.668.640.500	11.668.640.500	2.948.900.000	2.948.900.000
Phải trả người bán khác	1.350.555.730	1.350.555.730	18.178.838.458	18.178.838.458
Tổng	19.218.399.630	19.218.399.630	343.853.871.958	343.853.871.958

5.11 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Syarikat Pelangi Tinggi	-	10.594.208.743
Timor Food Unipessoal LDA	89.182.470	89.182.470
Công ty Cổ phần Lương thực Bình Minh	1.020.800.000	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Ngọc Quang Phát	3.955.471.650	-
Đối tượng khác	1.846.644.824	3.035.038.523
Tổng	6.912.098.944	13.718.429.736

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG
Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc
Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.12 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2024
Phải nộp	5.943.542.676	10.724.828.684	9.343.290.570	7.325.080.790
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.893.953.497	10.024.200.615	8.713.694.598	7.204.459.514
Thuế thu nhập cá nhân	49.589.179	454.753.677	383.721.580	120.621.276
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	232.874.392	232.874.392	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	13.000.000	13.000.000	-
Phải thu	87.396.176	87.276.176	-	120.000
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	120.000	-	-	120.000
Thuế nhà đất, tiền thuê đất nộp thừa	87.276.176	87.276.176	-	-

5.13 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Trích trước chi phí lãi vay	595.047.800	341.686.407
Trích trước các khoản chi phí làm hàng	18.517.891.193	18.500.143.450
Trích trước chi phí vận chuyển	-	344.552.658
Trích trước chi phí dịch vụ	-	585.449.171
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	876.714.155	222.840.000
Tổng	19.989.653.148	19.994.671.686

5.14 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải trả ngắn hạn khác	614.028.500	642.686.249
Tổng	614.028.500	642.686.249

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG
Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc
Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.15 Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2024 (VND)		Trong kỳ (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản vay ngắn hạn	690.222.039.497	690.222.039.497	6.296.992.776.894	5.987.199.653.297	380.428.915.900	380.428.915.900
Vay ngắn hạn	687.072.442.756	687.072.442.756	6.293.843.180.153	5.984.021.253.297	377.250.515.900	377.250.515.900
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Kiên Giang (i)	59.430.287.860	59.430.287.860	1.641.560.035.222	1.601.397.526.332	19.267.778.970	19.267.778.970
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	-	50.586.241.000	50.586.241.000	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Phú Quốc (ii)	353.326.618.896	353.326.618.896	1.555.431.080.924	1.527.363.508.958	325.259.046.930	325.259.046.930
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Kiên Giang	-	-	12.740.000.000	12.740.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - CN Cần Thơ	-	-	1.475.000.000	1.475.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - CN Sài Gòn (iii)	42.823.476.000	42.823.476.000	670.961.771.205	639.127.295.205	10.989.000.000	10.989.000.000
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN TP. Hồ Chí Minh (iv)	102.408.408.000	102.408.408.000	1.814.706.858.322	1.734.033.140.322	21.734.690.000	21.734.690.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Cần Thơ (v)	129.083.652.000	129.083.652.000	441.074.873.480	311.991.221.480	-	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Cần Thơ	-	-	105.307.320.000	105.307.320.000	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	3.149.596.741	3.149.596.741	3.149.596.741	3.178.400.000	3.178.400.000	3.178.400.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Phú Quốc (vi)	3.149.596.741	3.149.596.741	3.149.596.741	3.178.400.000	3.178.400.000	3.178.400.000
b) Vay dài hạn	1.850.100.000	1.850.100.000	2.142.000.000	3.328.096.741	3.036.196.741	3.036.196.741
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Phú Quốc (vi)	1.850.100.000	1.850.100.000	2.142.000.000	3.328.096.741	3.036.196.741	3.036.196.741
Tổng	692.072.139.497	692.072.139.497	6.299.134.776.894	5.990.527.750.038	383.465.112.641	383.465.112.641

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.15 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

- (i) Hợp đồng cấp tín dụng số 0046/24/HĐK-KIGIMEX ngày 06/9/2024 với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Kiên Giang ("Vietcombank Kiên Giang").
Giới hạn cấp tín dụng tối đa cho Công ty là 250.000.000.000 VND, các Hợp đồng tín dụng cụ thể đối với các ngành hàng của Công ty như sau:

Ngành hàng chế biến kinh doanh lúa gạo (tương thực): Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0046/24/0361/RG/GAO ngày 06/9/2024

- Hạn mức cho vay : 150.000.000.000 VND
- Thời hạn hiệu lực : từ ngày hợp đồng này có hiệu lực đến hết ngày 21/8/2025
- Thời hạn cho vay của từng khoản vay : tối đa là 06 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay
- Mục đích vay : phục vụ cho sản xuất kinh doanh gạo
- Lãi suất : được xác định cụ thể tại thời điểm giải ngân vốn vay theo thông báo lãi suất của Vietcombank Kiên Giang trong từng thời kỳ

Ngành hàng xăng dầu: Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0046/24/0341/RG/XD ngày 06/9/2024

- Hạn mức cho vay : 60.000.000.000 VND
- Thời hạn hiệu lực : từ ngày hợp đồng này có hiệu lực đến hết ngày 21/8/2025
- Thời hạn cho vay của từng khoản vay : tối đa là 03 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay
- Mục đích vay : phục vụ kinh doanh xăng dầu
- Lãi suất : được xác định cụ thể tại thời điểm giải ngân vốn vay theo thông báo lãi suất của Vietcombank Kiên Giang trong từng thời kỳ

Các khoản tín dụng với Vietcombank Kiên Giang được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình gồm máy móc, dây chuyền sản xuất, tài sản gắn liền với đất tại Xi nghiệp Chế biến Lương thực Xuất khẩu Vĩnh Thắng trực thuộc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang, hàng tồn kho luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh hình thành từ vốn vay, quyền tài sản phát sinh từ tất cả các Hợp đồng ký giữa Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang và bên mua/bên thứ ba hình thành từ nguồn vốn vay do Vietcombank Kiên Giang tài trợ.

Tại ngày 31/12/2024, các khoản vay ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại Vietcombank Kiên Giang có giá trị là 1.573.000 USD, tương đương 40.191.723.000 VND.

- (ii) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Quốc ("BIDV Phú Quốc") theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2024/679501/HĐTD ngày 28/7/2024 với các thông tin chi tiết như sau:

- Hạn mức cấp tín dụng : 400.000.000.000 VND;
- Thời hạn hiệu lực : Đến hết ngày 30/6/2025;
- Mục đích vay : bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Lãi suất : được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của BIDV Phú Quốc;
- Hình thức đảm bảo tiền vay : Khoản vay được đảm bảo tài sản thuộc sở hữu Công ty bao gồm: Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất của Công ty; xe ô tô; tàu cá; máy móc thiết bị; toàn bộ hàng hóa luân chuyển hình thành từ vốn vay do BIDV Phú Quốc tài trợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc
Thành phố Rach Giá, tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.15 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

- (iii) Vay Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - CN Sài Gòn ("Eximbank Sài Gòn") theo Hợp đồng tín dụng số 1401LAV240095907 ngày 24/9/2024 với các thông tin chi tiết như sau:

- Hạn mức cho vay : 300.000.000.000 VND;
- Thời hạn hiệu lực : đến hết ngày 23/9/2025;
- Thời hạn của từng khoản vay : Không quá 6 tháng;
- Mục đích vay : bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở LC phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh lương thực (lúa, gạo);
- Lãi suất : theo quy định tại kế ước nhận nợ;
- Hình thức đảm bảo tiền vay : Thế chấp tài sản cố định hữu hình gồm công trình xây dựng trên đất, và hệ thống máy móc thiết bị, kho chứa tại Xi nghiệp chế biến lương thực xuất khẩu Sơn Thuận thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.

- Tại ngày 31/12/2024, các khoản vay ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại Eximbank Sài Gòn có giá trị là 1.676.000 USD, tương đương 42.823.476.000 VND.
- (iv) Vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh ("MSB HCM") theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 112-00018698.01564/2024/HĐTD ngày 01/4/2024 với các thông tin chi tiết như sau:

- Hạn mức tín dụng : 800.000.000.000 VND, trong đó hạn mức cho vay là 800.000.000.000 VND;
- Thời hạn hiệu lực : 12 tháng tính từ ngày ký Hợp đồng này;
- Thời hạn của từng khoản vay : tối đa 06 tháng;
- Mục đích vay : bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động xuất khẩu gạo, thu mua lúa gạo sản xuất trong nước;
- Lãi suất : theo quy định tại từng kế ước nhận nợ;
- Hình thức đảm bảo tiền vay : cấp tín dụng không có tài sản đảm bảo theo chính sách tín dụng của MSB HCM.

Tại ngày 31/12/2024, các khoản vay ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại MSB HCM có giá trị là 4.008.000 USD, tương đương 102.408.408.000 VND.

- (v) Vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Cần Thơ ("MB Cần Thơ") theo Hợp đồng cấp tín dụng số 171769.23.451.1421010.TD ngày 11/01/2024 với thông tin chi tiết như sau:

- Hạn mức tín dụng : 200.000.000.000 VND, trong đó hạn mức cho vay là 200.000.000.000 VND;
- Mục đích cấp tín dụng : cấp tín dụng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh lúa, gạo;
- Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng : kể từ ngày ký Hợp đồng đến hết ngày 03/11/2024;
- Lãi suất : thực hiện theo chính sách của MB Cần Thơ tại từng thời điểm;
- Hình thức bảo đảm tiền vay : thế chấp hàng hóa và quyền đòi nợ hình thành từ các phương án do MB Cần Thơ tài trợ.

Tại ngày 31/12/2024, các khoản vay ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại MB Cần Thơ có giá trị là 5.052.000 USD, tương đương 129.083.652.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG
Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc
Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)
b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2024			Tại ngày 01/01/2024		
	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị cổ phần	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị cổ phần
			theo mệnh giá (VND)			theo mệnh giá (VND)
Tổng công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần	21.184.800	83,31%	211.848.000.000	21.184.800	83,31%	211.848.000.000
Các cổ đông khác	4.245.200	16,69%	42.452.000.000	4.245.200	16,69%	42.452.000.000
Tổng	25.430.000	100%	254.300.000.000	25.430.000	100%	254.300.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và chia lợi nhuận

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	254.300.000.000	254.300.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	254.300.000.000	254.300.000.000
Cổ tức đã chia	9.536.250.000	5.086.000.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2024 Cổ phiếu	01/01/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	25.430.000	25.430.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	25.430.000	25.430.000
Cổ phiếu phổ thông	25.430.000	25.430.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.430.000	25.430.000
Cổ phiếu phổ thông	25.430.000	25.430.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Quỹ đầu tư phát triển	5.460.090.397	4.209.733.538
Tổng	5.460.090.397	4.209.733.538

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG
Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc
Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.17 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán
a. Tài sản thuê ngoài

Công ty ký kết các Hợp đồng thuê đất tại địa phương nơi đặt văn phòng và các xí nghiệp, chi nhánh trực thuộc để sử dụng với mục đích làm cơ sở sản xuất kinh doanh, kho bãi với thời hạn thuê tối đa là 50 năm. Trong đó bao gồm:

- Thuê đất trả tiền một lần cho cả thời hạn thuê: để sử dụng làm trụ sở làm việc, nhà để xe với tổng diện tích là 867,7 m²;
- Thuê đất trả tiền hàng năm: để sử dụng làm cơ sở chế biến lương thực xuất khẩu, chế biến cá cơm xuất khẩu, kinh doanh xăng dầu với tổng diện tích là 299.032,2 m².

b. Ngoại tệ các loại

	31/12/2024	01/01/2024
Theo giá trị nguyên tệ		
USD	221.251,88	5.806.565,62
EUR	98,91	130,19
Theo giá trị tương đương VND	5.797.118.289	139.783.383.106
USD	5.794.530.408	139.779.935.805
EUR	2.587.881	3.447.301

c. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số nợ đã xóa		Thời điểm xóa nợ
	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND	
Công ty Xuất nhập khẩu Phú Thọ	12.735.935	12.735.935	Năm 2016
Nguyễn Thị Tuyết - Tàu Tiên Phương	46.255.000	46.255.000	Năm 2016
Trần Thanh Đình - XN An Hòa	166.982.720	166.982.720	Năm 2019
DNTN Thành Phước	229.845.000	229.845.000	Năm 2019
Trần Quốc Doan	168.738.419	168.738.419	Năm 2019
Trung tâm tư vấn Dịch vụ Xây dựng huyện Kiên Lương	15.000.000	15.000.000	Năm 2019
KUO Corp - Xi măng (193.760,00 USD)	4.482.637.600	4.482.637.600	Năm 2019
KUO Corp - phí tòa án Xi măng (12.339,98 USD)	285.485.437	285.485.437	Năm 2019
Chi nhánh DNTN Mỹ lệ	17.900.000	17.900.000	Năm 2019
Công ty TNHH Tâm Huy	602.770.000	602.770.000	Năm 2019
Tổng	6.028.350.111	6.028.350.111	

Nguyên nhân của việc xóa nợ: Các khoản nợ phải thu là nợ phải thu khó đòi trên 03 năm và đã được trích lập dự phòng, một số khoản phải thu khách hàng có giá trị lớn đã được Công ty khởi kiện ra tòa án nhưng chưa thể thi hành án do các khách hàng không còn tài sản để thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG
Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc
Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm, phụ phẩm	7.399.896.019.198	7.281.197.963.349
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.191.818.316	861.106.774
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ khác	2.902.188.405	144.988.250
Tổng	7.403.990.025.919	7.282.204.058.373
Trong đó,		
Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)	411.498.752.100	-
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	1.009.800.000	-
Giảm giá hàng bán	-	14.352.000.000
Tổng	1.009.800.000	14.352.000.000
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm, phụ phẩm	7.398.886.219.198	7.266.845.963.349
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.191.818.316	861.106.774
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ khác	2.902.188.405	144.988.250
Tổng	7.402.980.225.919	7.267.852.058.373
6.2 Giá vốn hàng bán		
	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm, phụ phẩm	6.793.824.029.264	6.571.005.358.469
Giá vốn hàng tồn kho hao hụt bảo quản	3.259.827.807	2.025.758.172
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(23.223.576.700)	12.952.801.129
Tổng	6.773.860.280.371	6.585.983.917.770
6.3 Doanh thu hoạt động tài chính		
	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi	149.161.036	3.626.940.801
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	50.973.801.760	56.697.788.614
Tổng	51.122.962.796	60.324.729.415

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG
Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc
Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí lãi vay	60.402.468.567	58.242.141.651
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	30.285.678.392	49.051.261.735
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm	6.651.392.244	375.012.258
Chi phí tài chính khác	-	203.668.147
Tổng	97.339.539.203	107.872.083.791

6.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân công	1.600.025.507	1.593.531.501
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, và bao bì	202.227.547.397	130.232.276.256
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	5.368.000	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	593.445.450	636.547.176
Chi phí dịch vụ mua ngoài	289.160.632.247	387.073.521.412
Chi phí bằng tiền khác	7.870.321.813	8.558.028.475
Tổng	501.457.340.414	528.093.904.820
Trong đó,		
Chi phí bán hàng với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)	1.611.009.595	-

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân công	26.155.987.167	29.265.441.822
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, và dụng cụ quản lý	1.817.251.563	3.008.835.594
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.731.183.903	1.966.903.223
Thuế phí và lệ phí	95.331.389	60.182.649
Chi phí dự phòng	8.585.721.946	3.263.180.622
- Trích lập chi phí văn phòng sửa chữa định kỳ	2.870.000.000	3.900.000.000
- Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(17.604.000)	-
- Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng quỹ tiền lương	5.733.325.946	(636.819.378)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.402.039.417	7.530.560.316
Chi phí bằng tiền khác	20.587.909.428	20.368.167.053
Tổng	66.375.424.813	65.463.271.279

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG
Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc
Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6.7 Thu nhập khác, Chi phí khác

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập khác		
Thu nhập từ bán phế liệu thu hồi, công cụ dụng cụ	-	40.909.091
Nhập kho trấu năm 2022 chuyển sang	-	664.589.500
Thu nhập từ tiền khách hàng chuyển hoàn lại	-	469.929.500
Các khoản phạt, bồi thường hợp đồng kinh tế nhận được	-	477.103.605
Các khoản khác	486.253.199	866.631.043
Tổng	486.253.199	2.519.162.739
Chi phí khác		
Các khoản phạt và hủy hợp đồng kinh tế	-	3.771.506.628
Chi phí bồi thường tổn thất của hợp đồng kinh tế	-	18.295.021.486
Các khoản phạt vi phạm hành chính và tiền chậm nộp	155.663.475	-
Phí lưu kho, lưu bãi, xử lý chứng từ	99.200.000	68.390.245
Các khoản khác	43.924.221	122.760.144
Tổng	298.787.696	22.257.678.503
Lợi nhuận khác	187.465.503	(19.738.515.764)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG
Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc
Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế, trong đó:	15.258.069.417	21.025.094.364
Các khoản điều chỉnh tăng	34.353.927.949	21.640.362.192
Các khoản phạt vi phạm hành chính và tiền nộp chậm	117.494.883	-
Tiền thù lao HĐQT không chuyên trách	247.500.000	204.000.000
Chi phí khấu hao xe ô tô dưới 9 chỗ ngồi đối với phần vượt trên 1,6 tỷ VND	79.106.868	64.714.198
Chi phí không được trừ	1.147.522.019	301.163.944
Chi phí lãi vay thuần không được trừ theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020	32.732.663.196	20.928.274.094
Lỗ do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm	29.638.983	142.209.956
Các khoản điều chỉnh giảm	(524.778.739)	(57.827.697)
Lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm	(359.778.739)	(57.827.697)
Các khoản điều chỉnh giảm khác	(165.000.000)	-
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	49.087.218.627	42.607.628.859
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	49.087.218.627	42.607.628.859
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm	9.817.443.725	8.521.525.772
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	206.756.890	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp bị truy thu theo Quyết định số 353/QĐ-VPHC ngày 16/12/2024	206.756.890	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	10.024.200.615	8.521.525.772

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2024 VND	Năm 2023 Trình bày lại (ii) VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	5.233.868.802	12.503.568.592
Các khoản điều chỉnh	-	(1.649.481.860)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng người quản lý	-	(1.549.481.860)
Quỹ tham gia từ thiện xã hội	-	(100.000.000)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND) (i)	5.233.868.802	10.854.086.732
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	25.430.000	25.430.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) (i)	206	427

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG
Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc
Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Tiếp theo)

- (i) Tại ngày Báo cáo, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ thưởng người quản lý và Quỹ tham gia từ thiện xã hội. Nếu Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng người quản lý và Quỹ tham gia từ thiện xã hội cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.
- (ii) Công ty xác định lại lãi cơ bản trên cổ phiếu do số trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ thưởng người quản lý và Quỹ tham gia từ thiện xã hội thay đổi theo kết quả phân chia lợi nhuận năm 2023, được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 số 41/NQ-XNK-DHĐCD ngày 15/4/2024. Số liệu cụ thể như sau:

	Số đã báo cáo VND	Số trình bày lại VND	Chênh lệch VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	12.503.568.592	12.503.568.592	-
Các khoản điều chỉnh	-	(1.649.481.860)	(1.649.481.860)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng người quản lý	-	(1.549.481.860)	(1.549.481.860)
Quỹ tham gia từ thiện xã hội	-	(100.000.000)	(100.000.000)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND) (i)	12.503.568.592	10.854.086.732	(1.649.481.860)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	25.430.000	25.430.000	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	492	427	(65)

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.851.623.972.358	2.379.245.289.555
Chi phí kinh doanh hàng hóa thương mại	4.167.112.758.221	4.278.033.363.387
Chi phí nhân công	45.761.295.497	48.397.889.935
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.411.563.005	16.910.944.874
Trích lập/(Hoàn nhập) các khoản dự phòng	5.715.721.946	(636.819.378)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	315.031.848.619	413.299.075.203
Chi phí khác bằng tiền	29.473.041.640	29.805.629.899
Tổng	7.431.130.201.286	7.165.055.373.475

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG
Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc
Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1. Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan chủ yếu mà Công ty có giao dịch trong năm:

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần	Công ty mẹ
2	Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm	Cùng Công ty mẹ
3	Công ty Lương thực Đồng Tháp	Chi nhánh của Công ty mẹ
4	Công ty Lương thực Tiền Giang	Chi nhánh của Công ty mẹ
5	Công ty Lương thực Trà Vinh	Chi nhánh của Công ty mẹ
6	Công ty Lương thực Long An	Chi nhánh của Công ty mẹ
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám		Ảnh hưởng đáng kể
7	đốc, người quản lý khác tại Công ty, và những thành viên thân cận trong gia đình của những người này	

a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Các bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và những người quản lý khác	Các khoản thù lao, lương, thưởng, và thu nhập khác	2.942.229.200	2.401.898.200

Chi tiết thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác như sau:

Thù lao của Hội đồng Quản trị và người quản lý khác

Họ và tên	Chức danh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Bạch Ngọc Văn	Chủ tịch HĐQT	120.000.000	120.000.000
Ông Phan Hùng Minh	Nguyên Thành viên HĐQT	-	21.000.000
Bà Dương Thị Thanh Nguyệt	Phó Chủ tịch HĐQT thường trực	108.000.000	84.000.000
Ông Mai Thành Công	Phó Chủ tịch HĐQT	96.000.000	7.000.000
Ông Phạm Minh Trung	Thành viên HĐQT	84.000.000	84.000.000
Ông Đặng Quốc Việt	Thành viên HĐQT (Đến ngày 15/4/2024)	24.500.000	63.000.000
Bà Trần Tú Khanh	Thành viên HĐQT (Từ ngày 15/4/2024)	59.500.000	-
Ông Trần Công Lý	Thư ký Công ty (Đến ngày 06/5/2024)	16.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Thanh Tiến	Thư ký Công ty (Từ ngày 06/5/2024)	32.000.000	-
Tổng		540.000.000	427.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG
Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc
Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.1. Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Thủ lao của thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Bà Trần Thị Mai Trinh	Trưởng Ban Kiểm soát	-	-
Ông Nguyễn Trường Giang	Thành viên Ban Kiểm soát (Đến ngày 15/4/2024)	14.000.000	48.000.000
Bà Trần Thị Phương Lan	Thành viên Ban Kiểm soát	48.000.000	36.000.000
Ông Trần Công Lý	Thành viên Ban Kiểm soát (Từ ngày 15/4/2024)	34.000.000	-
Tổng		96.000.000	84.000.000

Thu nhập từ việc quản lý chuyên trách của các Thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách, Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức danh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Bạch Ngọc Văn	Chủ tịch HĐQT	234.788.000	99.600.000
Ông Đoàn Huỳnh Dũng	Nguyên Phó Chủ tịch HĐQT	54.340.000	483.675.000
Ông Mai Thành Công	Phó Chủ tịch HĐQT	130.603.200	9.927.200
Bà Trần Thị Mai Trinh	Trưởng Ban Kiểm soát	501.814.000	380.120.000
Bà Dương Thị Thanh Nguyệt	Phó Chủ tịch HĐQT thường trực kiêm Tổng Giám đốc	688.176.000	521.856.000
Ông Phạm Minh Trung	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	501.814.000	380.120.000
Ông Phan Hùng Minh	Nguyên Thành viên HĐQT	-	15.600.000
Nguyễn Mai Thái Sơn	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 05/7/2024)	194.694.000	-
Tổng		2.306.229.200	1.890.898.200

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG
Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc
Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.1. Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

b. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Mua hàng			63.092.023.875	30.734.974.154
Tổng công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần	Công ty mẹ	Mua hàng hóa	50.039.094.875	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm	Cùng Công ty mẹ	Mua tài sản cố định	1.578.310.000	323.000.000
		Mua hàng hóa, vật tư	3.163.415.000	-
		Chi phí sửa chữa tài sản	4.935.664.000	2.039.975.000
Công ty Lương thực Trà Vinh	Chi nhánh của Công ty mẹ	Mua hàng hóa	-	1.404.000.000
Công ty Lương thực Long An	Chi nhánh của Công ty mẹ	Mua hàng hóa	405.540.000	11.255.353.750
Công ty Lương thực Đồng Tháp	Chi nhánh của Công ty mẹ	Mua hàng hóa	-	15.702.355.000
Công ty Lương thực Tiền Giang	Chi nhánh của Công ty mẹ	Mua hàng hóa	2.970.000.000	10.290.404
Mua dịch vụ			1.611.009.595	-
Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần	Công ty mẹ	Phí giao nhận, ủy thác, phí làm hàng	1.569.342.931	-
Công ty Lương thực Tiền Giang	Chi nhánh của Công ty mẹ	Dịch vụ khác	41.666.664	-
Bán hàng			411.499.206.645	-
Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần	Công ty mẹ	Bán hàng ủy thác	276.827.966.100	-
		Bán hàng hóa	134.670.786.000	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm	Cùng Công ty mẹ	Bán hàng hóa	454.545	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc

Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.2. Báo cáo bộ phận

a. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho khách hàng bên ngoài	Kinh doanh lượng thực	Kinh doanh xăng dầu	Kinh doanh cá cơm	Tổng
	7.037.166.782.681	341.765.403.856	24.048.039.382	7.402.980.225.919
Lợi nhuận gộp trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của bộ phận	613.869.403.989	12.185.689.621	3.064.851.938	629.119.945.548
Chi phí thuần của bộ phận	600.474.465.690	10.574.305.721	3.000.570.223	614.049.341.634
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của bộ phận	13.394.938.299	1.611.383.900	64.281.715	15.070.603.914

Chi phí liên quan đến tài sản cố định và chi phí trả trước dài hạn cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chi phí đã phát sinh trong năm để mua tài sản cố định	Kinh doanh lượng thực	Kinh doanh xăng dầu	Kinh doanh cá cơm	Tổng
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.517.777.940	188.000.000	-	3.705.777.940
Phân bổ chi phí trả trước dài hạn	13.456.051.080	943.268.081	760.748.748	15.160.067.909
	7.023.734.898	360.368.392	815.250.917	8.199.354.207

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc

Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.2. Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

a. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)

Tài sản và nợ bộ phận tại ngày 31/12/2024

Tài sản bộ phận	Kinh doanh lượng thực	Kinh doanh xăng dầu	Kinh doanh cá cơm	Tổng
Tài sản cố định	107.890.770.782	4.748.050.265	9.625.184.055	122.264.005.102
Xây dựng cơ bản dở dang	-	-	2.153.188.307	2.153.188.307
Các khoản phải thu	247.091.218.593	10.735.891.292	960.010.150	258.787.120.035
Hàng tồn kho	508.760.235.199	6.302.068.394	10.043.866.601	525.106.170.194
Tài sản không thể phân bổ				128.020.676.990
Tổng				1.036.331.160.628
Nợ bộ phận				
Các khoản phải trả	45.726.737.742	369.010.000	24.403.980	46.120.151.722
Phải trả tiền vay (không phân bổ)				692.072.139.497
Nợ phải trả không phân bổ				33.037.225.920
Tổng				771.229.517.139

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.2. Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

a. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)

Tài sản và nợ bộ phận tại ngày 31/12/2024

Tài sản bộ phận	Kinh doanh lượng thực	Kinh doanh xăng dầu	Kinh doanh cá cơm	Tổng
Tài sản cố định	107.890.770.782	4.748.050.265	9.625.184.055	122.264.005.102
Xây dựng cơ bản dở dang	-	-	2.153.188.307	2.153.188.307
Các khoản phải thu	247.091.218.593	10.735.891.292	960.010.150	258.787.120.035
Hàng tồn kho	508.760.235.199	6.302.068.394	10.043.866.601	525.106.170.194
Tài sản không thể phân bổ				128.020.676.990
Tổng				1.036.331.160.628
Nợ bộ phận				
Các khoản phải trả	45.726.737.742	369.010.000	24.403.980	46.120.151.722
Phải trả tiền vay (không phân bổ)				692.072.139.497
Nợ phải trả không phân bổ				33.037.225.920
Tổng				771.229.517.139

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG
Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc
Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.2. Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

a. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)

Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

	Đơn vị tính: VND			
	Kinh doanh lương thực	Kinh doanh xăng dầu	Kinh doanh cá cơm	Tổng
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho khách hàng bên ngoài	6.921.097.019.083	325.498.670.859	21.256.368.431	7.267.852.058.373
Lợi nhuận gộp trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của bộ phận	668.800.883.386	10.869.780.682	2.197.476.535	681.868.140.603
Chi phí thuần của bộ phận	628.776.467.692	10.225.862.573	2.102.200.210	641.104.530.475
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của bộ phận	40.024.415.694	643.918.109	95.276.325	40.763.610.128

Chi phí liên quan đến tài sản cố định và chi phí trả trước dài hạn cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

	Kinh doanh lương thực	Kinh doanh xăng dầu	Kinh doanh cá cơm	Tổng
Chi phí đã phát sinh trong kỳ để mua tài sản cố định	4.419.536.511	140.270.000	-	4.559.806.511
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.914.498.026	984.203.004	760.748.748	15.659.449.778
Phần bổ chi phí trả trước dài hạn	6.252.116.679	144.347.463	742.982.513	7.139.446.655

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG
Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc
Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.2. Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

a. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)

Tài sản và nợ bộ phận tại ngày 31/12/2023

	Đơn vị tính: VND			
	Kinh doanh lương thực	Kinh doanh xăng dầu	Kinh doanh cá cơm	Tổng
Tài sản bộ phận				
Tài sản cố định	117.829.043.922	5.503.318.346	10.385.932.803	133.718.295.071
Xây dựng cơ bản dở dang	-	-	1.356.388.307	1.356.388.307
Các khoản phải thu	158.279.479.113	10.428.420.200	50.000.000	168.757.899.313
Hàng tồn kho	477.326.183.432	5.479.576.685	9.377.359.215	492.183.119.332
Tài sản không thể phân bổ				261.174.390.145
Tổng				1.057.190.092.168
Nợ bộ phận				
Các khoản phải trả	376.248.398.416	395.761.793	922.813.171	377.566.973.380
Phải trả tiền vay				383.465.112.641
Nợ phải trả không phân bổ				22.068.302.859
Tổng				783.100.388.880

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG
Số 85 – 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc
Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

b. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý

Đơn vị tính: VND
Doanh thu bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

	Thị trường xuất khẩu	Thị trường nội địa	Tổng cộng
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho khách hàng bên ngoài	5.640.104.850.609	1.762.875.375.310	7.402.980.225.919

Doanh thu bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

	Thị trường xuất khẩu	Thị trường nội địa	Tổng cộng
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho khách hàng bên ngoài	6.057.225.193.028	1.210.626.865.345	7.267.852.058.373

7.3. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập biểu

Nguyễn Thị Chúc Hà

Kế toán trưởng

Trần Thị Điệp

Kiên Giang, ngày 10 tháng 01 năm 2025
Tổng Giám đốc

Dương Thị Thanh Nguyệt

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Kiên Giang, ngày 27 tháng 3 năm 2025

Người đại diện theo pháp luật

DƯƠNG THỊ THANH NGUYỆT